

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11
GV: Đoàn Thị Bích Hà
Ngày soạn: 12/02/2026
Ngày dạy: Tuần 23-26
Tiết 67-76

BÀI 7:

GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

Thời gian thực hiện: 11 tiết (tiết 67 – 76)

(Đọc: 6 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí
- Hiểu những trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử để nhận xét và đánh giá văn bản văn học
- Hiểu được hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản nghệ thuật
- Biết cách viết bài văn thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội, có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận
- Biết cách thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.
- Vận dụng những hiểu biết về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.
- Viết được bài văn thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội, có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết cách tranh luận, phản biện một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi
- Rèn luyện và nâng cao các năng lực: tự học và tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập một cách linh hoạt, hiệu quả.

3. Về phẩm chất:

- Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, trân trọng các sắc màu văn hóa của đất nước
- Biết thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

(Nội dung tri thức Ngữ văn kèm trong bài đọc 1)

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 67 – 68 – 69: TÊN BÀI DẠY: AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

(Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 11

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản của tùy bút – một tiểu loại của kí- qua một tác phẩm cụ thể, gồm:
 - + Tính chất ghi chép mang tính xác thực
 - + Đề tài của văn bản lấy từ sự thật đời sống
 - + Vai trò của chủ thể sáng tạo trong một văn bản tùy bút.
- Hiểu và phân tích được giá trị của các yếu tố tự sự, thuyết minh, đặc biệt là vai trò của yếu tố trữ tình trong một bài tùy bút.
- Nhận ra được mức độ, tính chất và các yếu tố hư cấu được sử dụng trong một tác phẩm kí.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:
 - + Nắm bắt nội dung của từng đoạn trong văn bản, lựa chọn được những đoạn văn tiêu biểu nhất
 - + Lựa chọn được những chi tiết đặc sắc thể hiện cái nhìn của tác giả bài tùy bút đối với đối tượng được miêu tả trong văn bản.
 - + Phân tích được hiệu quả của một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong văn bản (các phép tu từ, những hình ảnh tiêu biểu, cách tổ chức câu văn, nhan đề tác phẩm...)
- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc-viết trong bài học

3. Về phẩm chất:

Trân trọng, yêu mến và tự hào về những vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chiếu một số hình ảnh về Huế và đặc trưng của Huế ❖ HS theo dõi và lắng nghe thuyết trình hoặc trả lời câu hỏi về các địa danh của GV c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và chiếu hình ảnh Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi của giáo viên Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Một số gợi ý Đại nội kinh thành Huế, làng hương, cầu trường tiên, sông Hương, điện Hòn Chén, đồi Vọng Cảnh, chùa Thiên Mụ, món ăn: các loại bánh,...
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI 2.1 TRI THỨC NGŨ VĂN Tìm hiểu tri thức ngũ văn	

- a. Mục tiêu:** Hiểu được những kiến thức cơ bản về thể loại kí
- b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về truyện: khái niệm kí, yếu tố tự sự, trữ tình trong tùy bút, tản văn, sự phi hư cấu và hư cấu trong truyện, kí...)
- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
 - GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.
- c. Sản phẩm:** Kết quả trình bày của HS về một số nét cơ bản của kí
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần **Tri thức ngữ văn** trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại.

GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề: *Vẻ đẹp thể loại kí*

* Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ:

Nhóm 1: Nhóm MC

GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm MC thiết kế bộ câu hỏi về kí

Dự kiến:

? Kể tên một số tác phẩm văn học thuộc thể loại kí mà bạn yêu thích. (dành cho nhóm 2)

? Kí có những tiểu loại nào?(dành cho nhóm 3)

? Đặc điểm của Tùy bút? (dành cho nhóm 4)

? Bạn hiểu như thế nào về Tản văn? (dành cho nhóm 4)

? Truyện kí là gì? (dành cho nhóm 3)

? Em hiểu thế nào về yếu tố phi hư cấu trong truyện, kí?? (dành cho nhóm 3)

? Em hiểu thế nào về yếu tố hư cấu trong truyện, kí?? (dành cho nhóm 4)

Nhóm 2: Nhóm yêu truyện

Tìm những tác phẩm thuộc thể loại kí mà em biết.

Nhóm 3: Nhóm chuyên gia truyện

Chuẩn bị các tri thức về kí.

Nhóm 4: Nhóm chuyên gia kí

Chuẩn bị các tri thức về kí

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc **Tri thức đọc hiểu** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm - Đại diện của nhóm trình bày

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt

1. Kí:

a. Khái niệm:

Là tên gọi một nhóm các thể, tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin...nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.

b. Tiểu loại: Tùy bút, tản văn, phóng sự, kí sự. Truyện kí, hồi kí, Nhật kí, du kí....

2. Tự sự và trữ tình trong tùy bút và tản văn:

a. Tùy bút: Tiểu loại kí có tính tự do cao, bố cục linh hoạt, nghiêng hẳn về trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả.

b. Tản văn: Là tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình còn có thể kết hợp với nghị luận, miêu tả...nhằm thể hiện những rung cảm thâm và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống.

->Trong tùy bút, tản văn, yếu tố tự sự và trữ tình luôn có sự kết hợp linh hoạt.

3. Phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí:

- Truyện kí là dạng kể về người thật, việc thật, tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực...nên được xếp vào loại phi hư cấu.

- Yếu tố hư cấu trong truyện kí thể hiện qua cách hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

động đọc	
2.2. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1 Trải nghiệm cùng văn bản a. Mục tiêu - HS nêu được thông tin về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường - HS nhận biết được sự nghiệp sáng tác và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Ai đã đặt tên cho dòng sông. b. Nội dung hoạt động + HS thực hiện theo yêu cầu của GV. + HS dựa vào SGK và tìm hiểu Internet để nắm được thông tin. + GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày. c. Sản phẩm + Kết quả hoạt động của HS. d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Gv yêu cầu HS là việc ở nhà, (Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để diễn đạt), khi đến lớp thuyết trình ngắn gọn: + Thông tin về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường. + Thông tin chung về tác phẩm “Ai đã đặt tên cho dòng sông” Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số để thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. Gọi 1-2 em trình bày sản phẩm (Qua máy chiếu/ Tivi). - HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS.	1. Tác giả: - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực (lịch sử, địa lí, văn hoá Huế) - Chuyên viết về thể loại bút kí. Nét đặc sắc trong sáng tác của Hoàng Phủ Ngọc Tường là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, với những liên tưởng mạnh mẽ và một lối hành văn mê đắm, tài hoa. - “Ai đã đặt tên cho dòng sông” là bài bút kí xuất sắc được viết tại Huế ngày 4.1.1981, in trong tập sách cùng tên. 2. Tác phẩm : a. Xuất xứ: “ Ai đã đặt tên cho dòng sông” rút từ tập bút ký cùng tên , được Hoàng PHủ Ngọc Tường viết ở Huế ngày 4-1-1981. b. Thể loại: Tác phẩm thuộc thể loại bút ký. Nhân vật là “Cái tôi” tài hoa , uyên bác, giàu tình cảm
III. Đọc hiểu chi tiết (Suy ngẫm và phản hồi) a. Mục tiêu - Hs thấy được vẻ đẹp độc đáo đa dạng của sông Hương và tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với dòng sông quê hương, xứ Huế thân thương và đất nước. - HS hiểu được lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ gợi cảm, giàu hình ảnh và nhịp điệu; nhiều so sánh, liên tưởng mới mẻ, bất ngờ, thú vị; nhiều ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ được sử dụng tài tình. b. Nội dung hoạt động	

- HS thực hiện theo yêu cầu của Gv.
- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu.
- GV hướng dẫn Hs cách thức thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành các nhóm tối đa 4HS/nhóm
- HS đọc văn bản theo nhóm 4, có thể chia đoạn cho nhau đọc
- HS hoàn thành phiếu học tập để tìm hiểu về sự kết hợp các yếu tố trong văn bản

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hành làm phiếu học tập

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

III. Đọc hiểu chi tiết

1. Sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình trong tùy bút

a. Hình tượng sông Hương được miêu tả từ nhiều góc nhìn và phân tích cụ thể từng đoạn

Góc nhìn	Chi tiết (Phần phân tích xem ở phụ lục)
Địa lí, tự nhiên	Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng; từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế; giáp mặt thành phố ở cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hên; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu;...
Lịch sử	Dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước.
Thơ ca	“Dòng sông trắng – lá cây xanh” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, từ tha thướt mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên “như kiếm dựng trời xanh” trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nỗi quan hoài vạn cổ với bóng chiều bàng lảng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan;...
Văn hóa	Toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya; thanh thoát, tôi vẫn còn gặp trong những

</

	va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân; mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng; và đoàn tàu tốc hành lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt trước cung điện Pê-téc-bua cũ để ra bề Ban-tích. Tôi vừa từ trong khói lửa miền qua Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Lê-nin-grát đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi đại. Ôi, tôi muốn hoá làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vỗ tay, nhưng sông Nê-va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo. Hai nghìn năm trước, có một người Hy Lạp tên là Hê-ra-clít, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh, thế vậy! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điều chảy lặng lẽ của nó khi ngang qua thành phố...	cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những ván vương của một nỗi lòng.
	Tác dụng: + Yếu tố tự sự không chỉ vẽ lên trong tâm trí người đọc thủy trình của sông Hương khi chảy vào thành phố với những đường nét uốn lượn mềm mại, duyên dáng (một nét thẳng thực yên tâm, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến) mà còn mang đến cho độc giả sự cảm nhận rất rõ	Tác dụng: Yếu tố trữ tình trong đoạn văn này vừa góp phần khắc họa vẻ đẹp thơ mộng của dòng Hương Giang (qua những liên tưởng độc đáo, lãng mạn: đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu;...), vừa trực tiếp thể hiện tình cảm của tác giả

	về cảm giác thanh thản, bình yên của một dòng sông khi đã tìm thấy chính mình, tìm thấy tình yêu của mình khi về với một thành phố chỉ dành riêng cho nó sau rất nhiều gian truân, thử thách trên hành trình. + Yếu tố tự sự trong đoạn văn còn được thể hiện qua những liên tưởng thú vị của tác giả về sông Nê-va của Lê-nin-grát; đề từ đó, tô đậm điệu chảy lặng lờ, chậm rãi rất riêng của sông Hương.	dành cho dòng sông (ngạc nhiên, thích thú, tự hào khi phát hiện ra vẻ đẹp rất riêng của dòng sông ở đoạn này (đường nét uốn lượn tình tứ, điệu chảy lặng lờ của dòng sông); yêu thương, trù mến trong cách kiến giải cho điệu slow của dòng sông (vì quá yêu thành phố, quá lưu luyến với người tình mong đợi trước khi chia xa).
	Nhận xét: Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình vừa làm cho hình tượng sông Hương trong đoạn văn trở nên sinh động, gợi cảm vừa trực tiếp bộc lộ tình cảm của tác giả dành cho dòng sông. Với sự xuất hiện của yếu tố tự sự, đoạn văn không chỉ ghi lại thủy trình của dòng sông khi chảy vào thành phố mà còn thể hiện được những tình cảm mà Hương Giang dành riêng cho Huế. Vì thế, hình tượng sông Hương hiện lên không đơn thuần là một dòng sông mà đã được nhân hoá như một cô gái Huế e ấp, dịu dàng, duyên dáng với một vẻ đẹp riêng, khó lẫn trong hành trình tìm về với thành phố thân yêu của nó. Những yếu tố tự sự ấy kết hợp những yếu tố trữ tình đã phần nào giúp người đọc hình dung rõ hơn về những tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho sông Hương và xứ Huế.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm tối đa 4HS/nhóm - HS đọc lại văn bản và hoàn thành phiếu học tập số 2 Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hành làm phiếu học tập Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	2. Đặc điểm ngôn ngữ văn học được thể hiện qua văn bản - Xác định một số biện pháp tu từ được sử dụng trong VB: + So sánh: Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại; dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu;... + Ẩn dụ: Sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở; sông Hương là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc;... + Nhân hoá: Sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những bãi bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam – đông bắc;	

	và rồi, như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ... - Tác dụng: + Giàu sức biểu cảm (biểu lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho sông Hương và xứ Huế) + Tạo tính đa nghĩa và tính hình tượng cho VB (câu văn/đoạn văn hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa và làm cho hình tượng được miêu tả trở nên sinh động, gợi cảm bởi những liên tưởng bất ngờ, thú vị) + Tạo nên được những rung động thẩm mỹ ở người đọc. + Khẳng định sự tài hoa, độc đáo của tác giả
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • GV chia lớp thành các nhóm tối đa 4HS/nhóm • HS đọc văn bản theo nhóm 4 • HS hoàn thành phiếu học tập để tìm hiểu về cảm hứng chủ đạo của văn bản và phát vấn để tìm hiểu giá trị văn hóa của sông Hương Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hành làm phiếu học tập Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	3. Cảm hứng chủ đạo và giá trị văn hóa được thể hiện trong văn bản a. Cảm hứng chủ đạo - Cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện qua VB: Ca ngợi vẻ đẹp biến ảo, đầy chất thơ của sông Hương và xứ Huế; yêu tha thiết, đắm say và trân trọng, tự hào đối với những vẻ đẹp nên thơ của thiên nhiên xứ sở, những giá trị lịch sử, bề dày văn hoá và vẻ đẹp tâm hồn của con người ở vùng đất cố đô. - Cách thể hiện của cảm hứng chủ đạo ấy trong tác phẩm: + Thể hiện qua những từ ngữ, câu văn bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc, nhận xét, đánh giá của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế: Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất; lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lững lờ của nó khi ngang qua thành phố...; có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hoá nó lên, tôi gọi đây là nổi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu; có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ;... + Thể hiện qua cách tác giả lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh khắc hoạ hình tượng sông Hương, xứ Huế trong VB: râm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn; dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng; uốn mình theo những đường cong thật mềm; dòng sông mềm như tấm lụa; sông Hương vui tươi hân lên giữa những biển bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long; chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non; dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc;... + Thể hiện qua những phát hiện, liên tưởng thú vị, tài

	hoa, tinh tế và độc đáo của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế: liên tưởng vẻ đẹp của sông Hương ở thượng nguồn với hình ảnh một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại và hình ảnh người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở; liên tưởng hành trình sông Hương tìm về với thành phố Huế là hành trình của một người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại tìm về với người tình mong đợi của nó; điệu chảy lặng lẽ của sông Hương trong lòng thành phố được liên tưởng với điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế;... + Thể hiện qua cách nhìn nhận, khám phá đối tượng (hình ảnh sông Hương) ở nhiều góc độ, khía cạnh để phát hiện ra nhiều vẻ đẹp đa dạng của sông Hương. Bộc lộ tình yêu, niềm say mê, gắn bó với thiên nhiên; sự am hiểu sâu sắc, tường tận, uyên bác về thiên nhiên và văn hoá Huế. - Nhận xét về cách thể hiện cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm: + Cảm hứng chủ đạo ấy thể hiện xuyên suốt chiều dài của tác phẩm, được bộc lộ vừa trực tiếp vừa gián tiếp, tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của người đọc khiến độc giả cảm nhận rất rõ tình yêu đắm say, niềm tự hào thương mến của tác giả dành cho dòng sông quê hương. + Cảm hứng chủ đạo với những cách thể hiện ấy đã góp phần làm nên chất trữ tình/ chất thơ cho bài tùy bút. b. Giá trị văn hóa: Vai trò của sông Hương trong tư cách “người mẹ phù sa của vùng văn hóa xứ sở” - Qua cách cảm nhận độc đáo của tác giả, sông Hương được xem là cội nguồn sinh thành và không gian tồn tại của nền âm nhạc cổ điển xứ Huế: Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya. Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này, với một phiến trăng sầu. - - Không gian bờ sông ấy cũng là nơi lưu giữ một nét văn hoá rất riêng của Huế trong cái sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: ... màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của thiên nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông... - Chính vẻ đẹp phong phú, biến ảo của dòng sông đã khiến nó luôn biết cách làm mới mình, từ đó khơi gợi nguồn cảm hứng vô tận cho các thi nhân: Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không
--	--

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV phát vấn: - <i>Lý giải vì sao nhà văn lấy từ một huyền thoại để trả lời cho điều thắc mắc “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”</i> - <i>Nét độc đáo và những sáng tạo nghệ thuật của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong bài bút kí?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. . Đặc sắc nghệ thuật: - Cách đặt tiêu đề cho tác phẩm: Tiêu đề dưới dạng một câu hỏi tạo hứng thú cho người đọc đi tìm câu trả lời nên buộc phải đọc hết tác phẩm. - Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân - Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ... - Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về văn bản, HS đọc một văn bản khác cùng thể loại b. Nội dung thực hiện Học sinh thực hành đọc và xác định các yếu tố GV yêu cầu c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên giao nhiệm vụ: Dựa vào nội dung tìm hiểu về văn bản: Vẻ đẹp của Sông Đà từ các góc nhìn: Từ trên cao nhìn xuống, từ trong rừng đi ra, trong thơ ca và sáng tác Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	Gợi ý đáp án Trên máy bay nhìn xuống - Diện mạo sông Đà như “Một cái dây thừng ngoằn ngoèo”, “từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lở lở bóng mây”. Nào ai có thể ngờ, “cái dây thừng ngoằn ngoèo kia lại có thể là dòng sông” vẫn thường “hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc” - Dáng hình sông Đà còn hiện lên trong vẻ thướt tha, dịu dàng “Con sông Đà tuôn dài, tuôn dài như áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc, bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân” Điệp từ và cấu trúc trong lời văn khiến câu văn trải dài, dài mãi. Nó vẽ lên dáng mềm mại, tha thướt của sông Đà khi nhìn ở khoảng cách rất cao, rất xa. Phép so sánh cho thấy sông Đà như một người thiếu nữ đẹp, điểm tô cho cả vùng non nước bằng “một áng tóc mun dài ngàn ngàn vạn vạn sợi”. Nó giống như nhịp cầu nối thơ mộng giữa không gian của miền núi cao Tây Bắc với những dải đồng bằng mênh mông - Diện mạo của sông Đà còn là nét đẹp đầy gợi cảm. Tác giả say sưa, mê mẩn nhìn ngắm vẻ gợi cảm của màu nước sông Đà đổi thay theo từng mùa. Dòng sông chẳng khác nào cô gái lộng lẫy điểm tô cho nét đẹp diễm lệ của đất nước nên nó mang một nét riêng, nét độc đáo: “Mùa xuân dòng xanh ngọc bích... Mùa thu nước sông Đà lừ lừ

	chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa”. Chỉ với hai câu văn, người nghệ sĩ không chỉ họa nên nét đẹp sinh động của dòng sông mà còn cung cấp cho người đọc những thông tin, sự hiểu biết về một nét độc đáo của dòng sông đất nước Cảm nhận của người từ trong rừng đi ra - Vẻ đẹp trữ tình của con sông được khám phá từ cảm giác của “một người ở rừng, đi núi đã hơi lâu thấy thêm chỗ thoáng”, sông Đà hiện lên trong nét tươi vui đầy sức sống: “bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà. Chao ôi, trông con sông vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui nổi lại chiêm bao đứt quãng” - Đặc biệt, nhà văn dùng câu văn tả nắng trên sông Đà: “Trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy”, ánh nắng mà được liên tưởng như “màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu” ”. - Tính cách của dòng sông còn là sự gần gũi và thân thuộc: “nó đầm đầm âm âm như gặp lại cô nhân”. Du khách trên sông Đà - Hoang sơ nhất là cảnh triền sông: nó trải ra bằng phẳng, im ắng. Nơi đây “bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”. - Ngòi bút nhà văn dẫn dắt người đọc về thuở khai thiên lập địa: “hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”. - Cảnh nơi đây như chưa có bàn tay con người xâm phạm đến môi trường sinh thái: tĩnh lặng, cổ xưa mà vẫn tràn đầy sức sống với những hình ảnh “chú hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương”, rồi hình ảnh “đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi”. - Hoang sơ nhất là cảnh triền sông: nó trải ra bằng phẳng, im ắng. Nơi đây “bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”. - Ngòi bút nhà văn dẫn dắt người đọc về thuở khai thiên lập địa: “hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”. - Cảnh nơi đây như chưa có bàn tay con người xâm phạm đến môi trường sinh thái: tĩnh lặng, cổ xưa mà vẫn tràn đầy sức sống với những hình ảnh “chú hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương”, rồi hình ảnh “đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi”. Cảm nhận của thi sĩ Với vẻ đẹp hoang sơ êm đềm ấy, sông Đà trở thành nguồn cảm hứng cho biết bao thi sĩ. Từ góc nhìn của những thi nhân, sông Đà trở thành người tình nhân chưa
--	--

	quen biết. Nguyễn Tuân phô bày sự hào hoa với những am hiểu thi ca của mình khi trích dẫn lời thơ của Tản Đà vịnh Vội vẻ đẹp hoang sơ êm đềm ấy, sông Đà trở thành nguồn cảm hứng cho biết bao thi sĩ. Từ góc nhìn của những thi nhân, sông Đà trở thành người tình nhân chưa quen biết. Nguyễn Tuân phô bày sự hào hoa với những am hiểu thi ca của mình khi trích dẫn lời thơ của Tản Đà vịnh
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

- a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh sáng tạo sản phẩm về hình tượng thiên nhiên đất nước.
b. Nội dung thực hiện: HS Bài tập sáng tạo: Làm một bài thơ, vẽ một bức tranh,... về hình tượng sông Hương (hoặc về sông núi quê hương của bạn).
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

GV linh hoạt sử dụng bài tập của HS

Phụ lục 1. Phiếu học tập số 1

Phiếu học tập 1 Ai đã đặt tên cho dòng sông?		Phiếu học tập 1 Ai đã đặt tên cho dòng sông?	
NHÓM	LỚP	NHÓM	LỚP
1. Hình tượng sông Hương được miêu tả từ những góc nhìn nào? Hãy ghi lại các chi tiết		2. Cái tôi của tác giả được thể hiện thế nào trong văn bản?	
GÓC NHÌN	CHI TIẾT	3. Xác định yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản và nêu tác dụng	
		Yếu tố tự sự	Yếu tố trữ tình
		Tác dụng	Tác dụng

Phụ lục 2. Phiếu học tập số 2

Phiếu học tập 2

Ai đã đặt tên cho đồng sông?

Xác định một số biện pháp tu từ trong văn bản

Nêu tác dụng

Phụ lục 3. Phiếu học tập số 3

Phiếu học tập 3

Ai đã đặt tên cho đồng sông?

Xác định cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện trong tác phẩm

Xác định các cách thể hiện cảm hứng chủ đạo ấy

Nhận xét về cách thể hiện cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm

Phụ lục 4. Văn bản luyện tập

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh “Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm bão oán đời đời đánh ghen”. Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đề ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiệt vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu đã thấy thèm chỗ thoáng. Mãi bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Bờ sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nói lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đầm đằm âm âm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh mà chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi không chớp mắt lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên “Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nỗ chạy buồm vãi nó khác hẳn những con đò đuôi én thất mình đây cổ điển trên dòng trên

Phụ lục 5. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và

	chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 6. Nội dung phân tích văn bản

1. CẢM NHẬN VỀ DÒNG CHẢY ĐỊA LÍ

1.VÙNG THƯỢNG NGUỒN	- Hoàng Phủ Ngọc Tường đã khám phá nét đẹp đầy bí ẩn của dòng sông ở vùng thượng nguồn. Ông cho rằng “Nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khóa trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng” - Với sự am hiểu của mình, tác giả phát hiện sông Hương ở thượng nguồn mang một nét đẹp bí ẩn. Một loạt tính từ được nhà văn sử dụng “râm rộ” “mãnh liệt” “cuộn xoáy” ... kết hợp với cách ngắt câu ngắn và hình thức điệp cấu trúc đã tạo nên một nhịp văn dồn dập gợi dòng chảy mãnh liệt, tuôn trào của dòng sông. Giữa rừng già của Trường Sơn, sông Hương như đã góp một phần đời mình để tạo nên những cung bậc hùng tráng, nét đẹp nguyên sơ, thuần khiết và trong sáng của núi nước nơi này - Nhưng tính cách sông Hương ở thượng nguồn không chỉ đơn giản có thể “cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những rừng dài chói lọi của hoa đỗ quyên rừng”. Mãnh liệt rồi lại dịu dàng, phóng khoáng rồi có lúc đắm say. Sự đối lập ấy đã làm rõ nét đẹp của sông Hương ở thượng nguồn - Vì vậy, Hoàng Phủ Ngọc Tường miêu tả sông Hương như “cô gái Digan phóng khoáng và man dại” Với sự so sánh này, dòng chảy Hương giang ở vùng thượng nguồn tung bùng, chứa đựng những khát khao cháy bỏng như vũ điệu cuồng nhiệt, say đắm đam mê của cô gái Digan - Nếu như dòng sông kín đáo không muốn cho ai thấy được phần sâu thẳm của tâm hồn nên đã “đóng kín lòng mình ở cửa rừng và ném chìa khóa dưới chân núi Kim Phụng” thì chính Hoàng Phủ Ngọc Tường là người tìm được chiếc chìa khóa mở rộng cánh cửa tâm hồn của dòng sông. Chiếc chìa khóa ấy là tình yêu, là cái duyên của người con gái Huế với sông Hương để rồi ông đã giúp độc giả khám phá được bề sâu, bề xa của hình tượng thiên nhiên này
2.VÙNG TRUNG DU	- Giấu kín một phần đời mình giữa đại ngàn, khi ra khỏi rừng “người con gái Digan” ấy bỗng biến đổi trở thành người đẹp được đánh thức sau giấc ngủ nhiều thế kỉ. Nàng thiếu nữ vườn mình bắt đầu cuộc hành trình tìm về với Huế - với người tình trong mong đợi để trở thành “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở” - Quả thực không sai khi nói rằng “Sông Hương đã phải trải qua một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó”. Bằng vốn tri thức uyên bác của mình về địa lí của dòng sông, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tái hiện cả một cuộc hành trình đầy gian nan nhưng quyết liệt của dòng sông hướng về Huế, giống như bước chân chí tình, mãnh liệt của Kiều khi xưa “xum xãm băng lối vườn khuya một mình” để tìm đến Kim Trọng. Hành trình ấy, mà ta có thể tạm chia ra làm các chặng + Chặng 1: Ở CỬA RỪNG => Trước hết, Hoàng Phủ Ngọc Tường tái hiện thủy tình của sông Hương khi ra khỏi rừng. Hương giang bỗng trở nên dịu

dàng “Uốn mình theo những đường cong thật mềm” trong sự chuyển dòng tìm đường về Huế. Tác giả quy chiếu sự chuyển dòng đó bằng nét đẹp đầy gợi cảm : đó là những đường cong thật mềm trên cơ thể của giai nhân Hành trình của sông Hương về với người tình của mình không theo con đường bằng phẳng mà phải vượt qua biết bao rào cản “Sông Hương chuyển dòng một cách liên tục”, nhà văn chứng minh qua những thông tin địa lí sinh động: “từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng Nam Bắc qua điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trảm” rồi “nó chuyển hướng sang Tây Bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một đường vòng cung thật tròn về phía Đông Bắc, ôm lấy chân núi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế” Mỗi một lần chuyển dòng khiến cho dáng vẻ của sông Hương có những nét lượn mềm mại. Nét thướt tha của dòng sông ngỡ như sự vươn mình của người con gái vượt qua mọi trở ngại để tìm đến nơi hẹn hò, đến với thành phố Huế và trở thành người tình chung thủy

+ Chặng 2: TỪ NGÃ 2 TUẦN TỚI CHÂN ĐỒI THIÊN MỤ => Với tình yêu, sự am hiểu về dòng sông, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn khám phá chiều sâu tâm hồn của Hương giang trong chặng đường về với Huế. Đó là vẻ đẹp hết sức phong phú, đa dạng “ từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn – âm hưởng của rừng già, của những dãy núi hùng vĩ vẫn còn thấm sâu trong mạch chảy của dòng sông”. Nhưng khi vượt qua lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trảm “dòng nước lại mang sắc xanh thẳm” – nét đẹp độc đáo. Nếu Nguyễn Tuân khi quan sát dòng sông Đà từ trên cao để thấy nó như “một chiếc dây thừng ngoằn ngoèo” hay là vẻ đẹp thướt tha của áng tóc trữ tình tuôn dài, tuôn dài thì Hoàng Phủ Ngọc Tường đã cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của dòng sông khi nó trôi qua những “hai dãy đồi sừng sững thành quách với những điểm cao đột ngột như Vọng cảnh, Tam Thai, Lư Bảo”. Dòng sông “mềm như một tấm lụa” mà những con thuyền xuôi ngược chẳng khác nào những con thoi đang dệt lên tấm lụa đầy gợi cảm của thiên nhiên đất trời. Một sự liên tưởng thật lí thú!

Thủy trình của sông Hương xuôi dần về Huế càng gần với người tình mong đợi của mình, người con gái ấy càng thể hiện những tính cách, chiều sâu tâm hồn hòa vào không khí chung của Huế. Đây là nét đẹp đầy hư ảo khi tấm lụa ấy in bóng “những mảng phản quang đầy màu sắc của những ngọn đồi trên nền trời thiên nhiên thành phố”. Đây là những sắc màu biến đổi thời gian “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”. Sự phản quang của sắc màu tạo nên nét đẹp lung linh, huyền ảo, diễm lệ, trữ tình!

+ Chặng 3: TỪ CHÂN ĐỒI THIÊN MỤ XUÔI DẦN VỀ HUẾ => Nói đến Huế, người ta nói đến thành phố với những lăng tẩm, đền đài, tạo cho Huế không khí trầm mặc, cổ kính. Khi chảy qua “những đám quần sơn lô xô”, “những rừng thông u tịch”, Hương Giang mang theo vẻ trầm mặc như triết lí, như cổ thi “Dòng chảy thật chậm, thật tĩnh. Dòng sông như sợ mình làm xáo động giấc ngủ ngàn năm cả những bậc vua chúa nơi này. Nhịp chảy trầm mặc mang không khí thâm niên của Hương giang tựa như lời ngợi ca về một miền đất “Bốn bề núi phủ mây phong/Mảnh trăng thiên cổ, bóng trùng vạn niên”

Vượt qua Thiên Mụ, sông Hương về đến ngoại ô Kim Long. Ở đây “nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như một vành trăng non”. Vậy là với quyết tâm và sự chí tình, sông Hương đã nhìn thấy đích đến của mình. Dáng vẻ của con sông được nhà văn tái hiện “sông Hương kéo nét thực thẳng” và ông nhận cách hóa dáng vẻ ấy là sự yên tâm

	của dòng sông khi biết mình tìm đúng hướng về. Vậy nên, tâm hồn của sông Hương ở vùng ngoại ô Kim Long là nét “vui tươi” đầy sức sống khi nó đi giữa những biển bãi xanh biếc của ngoại ô thành phố - Một vẻ đẹp bình yên của tâm hồn!
3. TRONG LÒNG THÀNH PHỐ HUẾ	- Rồi sông Hương gặp cầu Trường Tiền, gặp thành phố Huế. Dòng sông cũng đã vươn tới được cái đích của mình. Niềm vui không ồn ào mà lặng lẽ, sâu lắng. Hương giang “uốn một đường cong mềm mại” như chút lắng lơ, như nét duyên thầm, như làm nũng để hoàn mình vào trong vòng tay của người tình mong đợi. Đường cong ấy được nhà văn miêu tả bằng sự so sánh kì thú “như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”. Một sự e lệ, kín đáo, một nét duyên thầm của người con gái Huế làm mê đắm lòng người - Sông Hương trong lòng thành phố Huế mang một diện mạo vừa hiện đại, vừa cổ kính. Hiện đại là khi tác giả có những liên tưởng giữa sông Hương với sông Xen của Paris và sông Đa nuýp của Bu-đa-pét. Sự so sánh đề khẳng định “Sông Hương thuộc về một thành phố duy nhất”. Nhưng khác với sông Xen và sông Đa Nuýp, dòng chảy của sông Hương trong lòng thành phố Huế “vẫn giữ nguyên dạng đô thị cổ trải dọc hai bên bờ sông”. Vì thế sông Hương in bóng “những cây đã, cây cửa cổ thụ tỏa vầng lá u thâm xuống những xóm thuyền xúm xít; từ những nơi ấy vẫn lập lòe trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được”. Khung cảnh ấy khiến cho diện mạo của dòng sông mang một nét đẹp cổ kính, xa xưa. Phải chăng đây là diện mạo riêng của sông Hương mà dòng sông Xen và Đa Nuýp không thể nào có được - Giữa vòng tay của Huế, chiều sâu tâm hồn của sông Hương là nét đẹp đắm thắm, lắng sâu. Hoàng Phủ Ngọc Tường lắng chiều sâu ngòi bút của mình để gọi tả dòng chảy của con sông trong lòng thành phố. Giữa lòng thành phố Huế, dòng sông trở nên tĩnh lặng và trôi thật chậm in bóng cầu Trường Tiền. Tác giả sử dụng sự so sánh tương đồng : sông Hương khi qua thành phố đã trôi đi chậm, thực chậm cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Theo tác giả, dòng sông đã thật tâm lí khi trôi chậm qua kinh thành Huế. Dòng chảy như để an ủi người ta đừng quá sầu buồn về sự biến đổi vô thường của cuộc đời, về sự vèo qua chóng mặt của thời gian . Nước sông Hương lặng lẽ một cách cố tình để “trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vầng trăng của một nỗi lòng”. Vẻ đẹp tĩnh lặng của dòng sông vừa được tả bằng thị giác, vừa được tả qua sự liên tưởng phong phú của Hoàng Phủ Ngọc Tường về phong tục, văn hóa Huế - Đặc tả chiều sâu tâm hồn của Hương Giang, nhà văn còn so sánh nhịp chảy của Hương giang, nhà văn còn so sánh nhịp chảy của Hương giang với sông Nêva. Nếu như : “ Sông Neva chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo” thì sông Hương lại có “điệu chảy lặng lẽ khi qua thành phố”. Nhịp chảy của Neva khiến cho con người chưa kịp giải bày tâm sự của nỗi lòng. Nhịp chảy của những dòng sông như thế khiến Heracrit khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh. Còn dòng chảy của sông Hương khiến cho con người nhìn sâu vào tâm hồn, cảm thấy bao bịn rịn, nhớ thương của một tâm hồn trầm mặc, đắm thắm, lắng sâu. Điệu chảy chẳng khác nào điệu “slow tình cảm dành riêng cho Huế” để rồi lòng người mỗi lần đến Huế thêm dửng dăng, vương vấn , biết mấy băng khuâng

4.KHI CHIA TAY HUẾ	- Cuộc vui cũng đến lúc kết thúc, cuộc hẹn hò nào rồi cũng phải chia li. Cuộc chia tay giữa sông Hương với kinh thành Huế được nhà văn miêu tả không kém phần bịn rịn. Rời khỏi kinh thành “sông Hương chéch về hướng chính Bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre, trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ” - Mảnh đất lắm sương nhiều khói của vùng ngoại ô đã khoác lên mình sông Hương nét đẹp mơ màng, huyền hoặc. Thật bất ngờ “như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng Đông Tây để gặp Bao V lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ” Khúc quanh đột ngột này cho người ta cảm nhận rõ sự chí tình, gắn bó của sông Hương với Huế. Hoàng Phủ Ngọc Tường một lần nữa lại dùng biện pháp nhân hóa để nội tâm hóa dáng hình của dòng sông. Nhà văn cho rằng lần gặp lại của sông Hương với Huế “là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ, kín đáo của tình yêu”. Khúc quanh đột ngột này khẳng định nỗi niềm bịn rịn, lưu luyến và gắn bó của sông Hương với thành phố của mình. Thả ngòi bút trong cảm hứng rất phong tình, Hoàng Phủ Ngọc Tường liên tưởng: Sự dùng dằng của sông Hương khi chia tay Huế “như nàng Kiều chí tình quay lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước khi về biển cả” - Sông Hương nặng một lời thề với con người Huế, với quê hương, xứ sở: “còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ”. Với nghệ thuật nhân hóa, nhà văn của cố đô đã thổi hồn vào dòng sông, tạo nên sự kết nối giữa sông Hương với con người và văn hóa mảnh đất kinh kì
---------------------------	--

2. CẢM NHẬN VỀ DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

1. DÒNG CHẢY LỊCH SỬ THỜI CHIẾN	- Không yên lòng khi khám phá dòng chảy của sông Hương với tư cách là dòng chảy thiên nhiên, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn đặt dòng sông trong mối quan hệ với lịch sử Huế để từ đó khẳng định: “ Sông Hương là vậy, là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc” Một sự liên tưởng, so sánh gợi cho ta nghĩ đến sự hài hòa giữa nét đẹp sử thi với từng chương sử của Huế, của dân tộc, Hoàng Phủ Ngọc Tường khám phá vai trò của sông Hương qua hai thời điểm : sông Hương trong những chặng đường về vang của dân tộc và sông Hương khi trở về với cuộc sống đời thường - Qua mỗi giai đoạn lịch sử về vang của đất nước trong thời kì dựng nước và đấu tranh giữ nước, sông Hương “đã sống hết mình với những nhiệm vụ lịch sử vinh quang của nó” + Thời đại vua Hùng: Đây là dòng sông biên thù, là nơi phân chia ranh giới, bờ cõi, lãnh thổ. + Thời phong kiến: Thế kỉ 15 với tên gọi là Linh Giang “nó đã oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam Tổ quốc”. Đến thế kỉ 18, sông Hương hòa mình trong những chiến công của người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ. Hương giang đầm máu những cuộc khởi nghĩa thế kỉ 19. + Thời chống Pháp: Đến năm 1945, dòng sông rung chuyển cùng với những chiến công của cuộc cách mạng Tháng Tám. + Thời chống Mĩ: Sông Hương không chỉ góp mình làm nên những chiến công của con người và mảnh đất Phú Xuân mà nó còn là nhân chứng lịch sử chứng kiến, sẽ chia nỗi đau oằn mình của Huế dưới sự tàn phá của đế quốc Mĩ trong mùa xuân lịch sử Mậu Thân năm 1968. Viết về nỗi đau của Huế trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, ngòi bút của nhà văn đi sâu lên án tội ác hủy
--	--

	diệt văn hóa của một vùng đất. Chẳng cần những ngôn từ phần nộ, những lời lẽ căm thù Hoàng Phủ Ngọc Tường trích dẫn nguyên văn lời đánh giá của một người Mỹ về sự tàn phá ghê gớm trong sự kiện mùa xuân năm 1968 mà sông Hương là một nhân chứng “các trung tâm lớn của chúng ta về lịch sử, văn hóa, học thuật và chính quyền rất nhiều. Phải hiểu rằng, Huế là một thành phố kết hợp tất cả những cái đó giống như các thành phố của London, Paris, Berlin... Một trong số đó đã bị phá hủy lúc thành Nội bị ném bom. Không thể so sánh sự mất mát này với sự mất mát của một bảo tàng hay một thư viện Mỹ. Sự phá hủy những di sản này cũng có tính chất giống như sự mất mát xảy ra đối với nền văn minh Châu Âu khi một số công trình của nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại bị đổ nát vì bị các nhà thờ bị phá hoại” Với cách diễn đạt khách quan với những tư liệu mang tính trí tuệ, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tăng thêm sức thuyết phục về sức mạnh tố cáo tội ác của chiến tranh mà Huế và sông Hương trở thành nhân chứng muôn đời - Ông khẳng định những đóng góp của sông Hương và Huế qua lời phát biểu của đại tướng Võ Nguyên Giáp “Lịch sử Đảng đã ghi bằng những nét son tên của thành phố Huế, thành phố tuy nhỏ nhưng đã công hiến rất xứng đáng cho Tổ quốc”
2. DÒNG CHẢY LỊCH SỬ TRONG CUỘC SỐNG ĐỜI THƯỜNG	- Nếu chiến tranh, trong những năm tháng hào hùng và bi tráng của dân tộc, sông Hương tự hiến đời mình là một chiến công đã ghi những nét son về vang trên trang sử đất nước thì khi trở về cuộc sống đời thường, Hương giang trở thành người con gái dịu dàng của đất nước. Người con gái ấy âm thầm, lặng lẽ giữ gìn nét đẹp văn hóa của Huế - một nhiệm vụ lịch sử trong cuộc sống đời thường. Hoàng Phủ Ngọc Tường như bắt gặp trên sông Hương những sắc màu biến ảo “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” chính là sắc màu trong tấm áo cưới truyền thống xưa của những cô dâu Huế “Màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng trên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng bóng người. Thờ ải các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng”. Mây của sương khói trên sông Hương được nhà văn so sánh “giống như tấm voan huyền ảo tự nhiên sau đó ẩn dấu khuôn mặt thực của dòng sông”. Người con gái dịu dàng Hương giang đã lặng lẽ “gìn giữ một nét đẹp văn hóa xưa, rất xưa của cố đô Huế.

3. CẢM NHẬN VỀ DÒNG CHẢY VĂN HÓA

1. DÒNG CHẢY THI CA	- “Dòng sông trắng – lá cây xanh” (Chơi xuân – Tản Đà) → Dòng sông với sắc màu biến ảo - “Như kiếm dựng trời xanh” (Trường giang như kiếm lập thanh thiên – Cao Bá Quát) → Dòng sông hùng vĩ trong thiên nhiên đất trời bao la - “Trời chiều bằng lăng bóng hoàng hôn Tiếng ốc xa đưa vắng trống dồn Gác mái ngư ông về viễn phố Gõ sừng mục tử lại cô thôn” (Chiều hôm nhớ nhà – Bà Huyện Thanh Quan) → Dòng sông mang nỗi quan hoài vạn cổ trong một buổi chiều hôm - “Hương giang ơi dòng sông êm Quả tim ra vẫn ngày đêm tự tình” (Tổ Hữu) → Dòng sông như người tình êm thấm thiết Nhận xét: Sông Hương – Dòng sông không bao giờ lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ
----------------------------	--

2. DÒNG CHẢY ÂM NHẠC	“Sông Hương đã trở thành một người tài nũa đánh đàn lúc đêm khuya... Quả đúng vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được hình thành trên mặt nước của dòng sông này” - Tác giả tưởng tượng “trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya”. Phải có độ nhạy cảm về thẩm âm, hiểu biết về âm nhạc của xứ Huế, tác giả mới có sự liên tưởng này - Với ngòi bút tài hoa cộng với sự rung cảm mạnh mẽ, Hoàng Phủ Ngọc Tường nhớ tới Nguyễn Du “Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này với một phiến trăng sầu. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều”
---	--

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

5. HDVN:

- Vẽ tranh : Lưu ý chọn bố cục: không gian, màu sắc, đường nét, thời điểm (Tác giả mới đến? Ra về ?....)
- Vẽ thủy trình sông Hương theo bản đồ đã có/ tìm hiểu các thể loại khác khi viết về sông Hương, về xứ Huế
- Chuẩn bị bài mới “ Và tôi muốn mẹ” : Đọc, tìm hiểu nội dung (hiện thực chiến tranh tg2, sự mất mát, đau thương, ước vọng tình mẫu tử thiêng liêng,...)
- Bám sát các câu hỏi trong sgk và sách bài tập.

Ngày soạn: Ngày dạy: Lớp dạy:

VĂN BẢN ĐỌC – tiết 70-71- “VÀ TÔI VẪN MUỐN MẸ...”

(Trích “Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em)

Xvét-la-na A-lếch-xi-ê- vích (Svetlana Alexievich)

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí, cụ thể:
 - + Chú trọng ghi chép sự thực đời sống
 - + Thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...)
- Hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí

2. Về năng lực:

- Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập
- Cụ thể:
 - + Nắm được nội dung câu chuyện trong văn bản với những điểm nhấn quan trọng.
 - + Phân tích và lí giải được những hình ảnh, chi tiết nghệ thuật quan trọng theo cảm nhận cá nhân
 - + Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

- Đồng cảm với những nỗi đau, sự mất mát của con người do chiến tranh gây ra.
- Trân trọng giá trị của tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm mẹ con.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ
3. Bài mới

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: c. Sản phẩm d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ❖ GV gợi dẫn câu hỏi: Em hãy chia sẻ, trao đổi những câu chuyện, nhân vật mà các em được chứng kiến, được nghe kể lại hoặc tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật về tình mẹ con và những di họa do chiến tranh để lại? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Chia sẻ của HS Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS ⇒ Dẫn dắt vào bài học
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát a. Mục tiêu: - Nắm được vài nét về tác giả, tác phẩm để dễ dàng hơn trong tiếp cận văn bản b. Nội dung thực hiện: - GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn cá nhân. c. Sản phẩm d. Tổ chức thực hiện	
2.1 Tìm hiểu khái quát Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản, đọc chú thích, GV phát vấn + Em hãy nêu những ấn tượng đặc biệt của em về tác giả, tác phẩm? Thời gian: 15ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc chú thích - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Là nhà báo, nhà văn Belarus được trao giải Nobel văn học năm 2015. - Một số tác phẩm tiêu biểu: Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ, Những nhân chứng cuối cùng, Lời nguyện cầu từ Chec – nô – bun... - Các tác phẩm phi hư cấu của bà đã dựng lên “một tượng đài tưởng niệm sự thống khổ và lòng can đảm trong thời đại chúng ta” 2. Tác phẩm - Rút từ cuốn “Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em”. Cuốn truyện này sử dụng hình thức phỏng vấn những người có tên tuổi, nghề nghiệp cụ thể từng trải qua thực tế

	tàn khốc của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai từ khi còn thơ bé. - Với hình thức này, tác giả đã chọn lọc, sắp xếp lại sự kiện để đem đến cho người đọc những câu chuyện hãi hùng trong kí ức của các nhân vật.
Nội dung 2: Khám phá văn bản a) Mục tiêu: - Học sinh nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí – một thể loại chú trọng ghi chép sự thực đời sống và thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...) - Qua việc đọc văn bản, HS có thể hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí. Từ đó thấy được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc b. Nội dung thực hiện: GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn cá nhân, tiến hành thảo luận nhóm, cho HS thuyết trình c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, bài thuyết trình d. Tổ chức thực hiện	
Nhiệm vụ 1. Tóm tắt văn bản Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Đọc văn bản: GV đọc mẫu trước một đoạn sau đó gọi một số học sinh lần lượt đọc từng đoạn của văn bản. (Lưu ý: chọn giọng đọc phù hợp khi nhắc lại những kí ức đau thương của nhân vật) - Câu hỏi: Hãy tóm lược nội dung của văn bản qua các sự kiện, chi tiết tiêu biểu? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	II. Đọc hiểu văn bản 1. Tóm tắt văn bản - Vào năm 1941, khi “tôi” 8 tuổi đã từ biệt bố mẹ đi dự trại hè đội viên, tôi gặp một trận bom của phát xít Đức, chứng kiến sự đổ máu và chết chóc. - “Tôi” cũng như biết bao đứa trẻ khác phải rời trại hè, mang theo lương thực, thực phẩm về một vùng hậu phương xa xôi, nơi không có bom đạn. - Ở vùng đất mới, những đứa trẻ biết thế nào là thiếu thốn, đói khát, không có gì để ăn đến nỗi phải giết một con ngựa già chuyên chở đồ đạc, thậm chí ăn cả chồi mầm, vỏ cây. Trên tất cả là nỗi nhớ mẹ, nhớ đến nỗi gào khóc không nguôi. - Đến lớp Ba, tôi trốn trại và được một gia đình ông già cư mang. Trong lòng tôi chỉ có một nỗi ước ao được đi tìm mẹ - Cứ thế, mãi sau này khi đã năm mươi một tuổi, tôi vẫn muốn có mẹ. => Điểm nhấn quan trọng trong câu chuyện là các sự kiện liên quan đến mẹ, điều đã được khái quát ở nhan đề của văn bản. Mẹ luôn hiện diện ở mọi thời khắc quan trọng trong cuộc đời tác giả và nỗi khao khát có mẹ đã trở thành một ám ảnh không nguôi trong lòng nhân vật tôi. Vậy mà cuối cùng, chiến tranh đã cướp đi tất cả
Nhiệm vụ 2. Xác định những yếu tố tạo nên tính xác thực của văn bản	2. Yếu tố tạo nên tính xác thực của văn bản

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Chỉ ra những yếu tố tạo nên tính xác thực của các sự kiện được nhân vật kể lại cũng như trạng thái tâm lí của nhân vật trước các sự kiện đó (Thế nào là sự xác thực? Khi kể lại một sự kiện, việc kể đó có liên quan gì đến thái độ của người kể hay không?) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi, tiến hành thảo luận - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Đối với một tác phẩm truyện kí, tính xác thực là một yếu tố quan trọng. Ở văn bản này một số yếu tố sau đây có thể giúp ta nhận thức được tính xác thực của các sự kiện được kể lại: - Người kể chuyện có tên tuổi, cụ thể, rõ ràng. Đó là Din - na Cô –si- ắc- một thợ làm tóc - Câu chuyện gắn với tuổi thơ của người được kể (lúc bấy giờ mới 8 tuổi). Vào thời điểm kể lại câu chuyện cho độc giả nghe, người kể chuyện đã năm mươi một tuổi. - Câu chuyện được kể bởi người kể chuyện ở ngôi thứ nhất, điều đó cho thấy những sự kiện được kể lại gắn liền với trải nghiệm thực tế của người kể chứ không qua một nhân vật trung gian nào. Người kể cũng không giấu thái độ của mình qua các sự kiện, tình huống: sợ hãi, lo âu, hoảng loạn, buồn bã...
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu bức tranh hiện thực cuộc sống: Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Bức tranh cuộc sống đặc biệt nào được tái hiện trong văn bản? Những chi tiết, hình ảnh nào có tác dụng làm nổi bật bức tranh cuộc sống đặc biệt đó? Chi tiết, hình ảnh nào đã thực sự gây được ấn tượng mạnh mẽ với em? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	3. Bức tranh hiện thực cuộc sống Những ngày đau thương, đói khát, hãi hùng và thiếu thốn tình cảm của bao đứa trẻ trong chiến tranh khốc liệt – đó chính là nét đặc biệt của bức tranh cuộc sống được tái hiện trong văn bản. Bức tranh cuộc sống đặc biệt này được tạo nên bởi nhiều chi tiết, hình ảnh sống động: + Máy bay đánh bom “tất cả màu sắc đều biến mất”, lần đầu tiên đứa bé biết đến từ “chết chóc”. => ấn tượng đậm nét về chiến tranh + Trên tàu, những đứa bé chứng kiến cảnh nhiều người lính bị thương, rên la vì đau đớn. => nhiều người đã ngã xuống + Triền miên trong đói khát, người ta giết thịt cả con ngựa già thân thiết duy nhất, rồi phải ăn cả cây cỏ để sống qua ngày. => thiếu thốn về vật chất + Trong trại trẻ mồ côi, hàng chục đứa bé khóc rên gọi tên ba mẹ. Hễ nhắc tới từ “mẹ” là tất cả lại “gào khóc không ngừng”. => thiếu thốn về tinh thần (nỗi nhớ mẹ tha thiết) + Đứa bé lớp Ba trốn trại đi tìm mẹ, đói lả và kiệt sức, may được một ông lão đem về nuôi. + Sau hàng chục năm trôi qua, cái cảm giác đói và thiếu mẹ vẫn luôn quay lại dằn vặt nhân vật “tôi”. => HS có thể lựa chọn một chi tiết bất kì để phân tích (đưa ra cảm nhận riêng riêng của bản thân).
Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu vai trò của tác	4. Vai trò của tác giả

giả Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Toàn bộ câu chuyện được kể bởi một người vì chiến tranh mà đã phải nếm trải những ngày tháng đau thương ở tuổi ấu thơ, tác giả chỉ là người ghi lại. Vậy trong việc tạo lập văn bản này, tác giả đóng vai trò gì? Phân tích thái độ của tác giả khi ghi lại các sự việc mà nahan chứng kể lại? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Tư liệu sống để viết nên tác phẩm kí này hoàn toàn do người thợ làm tóc năm mười một tuổi tên là Din – na Cô – si - ắc cung cấp cho nhà văn. - Mặc dù chỉ là người ghi lại, nhưng tác giả đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo lập văn bản. Vai trò này không chỉ thể hiện ở việc lựa chọn ngôn từ, giọng kể mà còn thể hiện ở cách sắp xếp các sự việc, sáng tạo các chi tiết, hình ảnh giàu ý nghĩa. Đặc biệt, mặc dù người kể chuyện thuộc ngôi thứ nhất xưng tôi nhưng lời kể không còn là lời nguyên bản của người thợ làm tóc, mà là lời kể có tính nghệ thuật được nhà văn sáng tạo nên. - Qua lời kể, nhà văn thể hiện thái độ đồng cảm với những đau thương mà nhân chứng từng nếm trải - Hs có thể phân tích một số chi tiết nói về những cảm giác đói khát, về niềm ao ước được gặp lại mẹ của tác giả để dùng làm minh họa)
Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu những yếu tố tạo nên sức lay động của văn bản: Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn + Theo em những yếu tố nào có tác dụng tạo nên sức lay động của văn bản đối với người đọc? Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản là gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ văn bản, thảo luận nhóm nhỏ (2 HS/nhóm) - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	5. Những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của văn bản - Với một tác phẩm truyện kí, yếu tố tác động đến tình cảm của người đọc chính là bản thân câu chuyện với các sự việc, tình huống nhân vật.. được kể lại. - Trong văn bản những sự việc từng xảy ra trong thực tế đời sống gắn với thời khắc, địa điểm, không gian cụ thể, được tái hiện bằng lời ghi chép khách quan nhưng có sức lay động rất mạnh cảm xúc của người đọc. Ví dụ : cảnh chia lìa giữa những đứa bé ngây thơ với bố mẹ, tình trạng giày vò khôn khổ vì thiếu thốn vật chất và tình cảm trong chiến tranh... => tất cả những sự biệc này được kể lại hết sức sinh động, cụ thể đến từng chi tiết, tạo cho người đọc người nghe cảm giác như đang tận mắt chứng kiến sự đau khổ tột cùng của những con người yếu ớt. - Thông điệp: + Yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh. + Tình mẫu tử thiêng liêng kể cả trong chiến tranh khốc liệt
Nội dung 3: Tổng kết: a. Mục tiêu: Giúp HS - Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.	

d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV phát vấn + Theo em văn bản “Và tôi vẫn muốn mẹ” có những nét đặc sắc gì về nội dung? Nghệ thuật? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại bài - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	III/ Tổng kết 1. Giá trị nội dung Tác phẩm “Và tôi vẫn muốn mẹ...” của A-lếch-xi-ê-vích cho chúng ta thấy được một bức tranh hiện thực về chiến tranh khốc liệt, nhưng ở đó vẫn có những đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ, mang trong mình những tình cảm thiêng liêng. Từ đó, ta càng trân trọng cuộc sống hòa bình hiện nay và càng yêu thương gia đình hơn. 2. Giá trị nghệ thuật - Truyện kể một thể loại mang đậm dấu ấn về khắc họa nhân vật - Ngôn ngữ giàu sức biểu cảm - Câu từ dễ hiểu và hợp lí
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài truyện kí, HS viết kết nối với đọc b. Nội dung thực hiện Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích ý nghĩa hai câu cuối “Tôi đã năm mươi một tuổi, tôi có hai con. Và tôi vẫn muốn mẹ.” Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt ý theo bài làm của HS	Bài làm tham khảo Hai câu cuối cho ta thấy tình cảm sâu sắc của nhân vật tôi với ba mẹ của mình, đó có lẽ là thứ tình cảm giúp nhân vật tôi vượt qua sự khốc liệt của chiến tranh. Lúc nào cũng muốn được tìm lại mẹ, không ngại khó khăn khổ cực. Những câu chuyện mà nhân vật tôi kể, không có những khung cảnh gia đình áp, ở đó toàn sự chia ly xa cách. Nhưng ta vẫn có thể cảm nhận được sự yêu thương của nhân vật tôi dành cho cha mẹ, cũng như của cha mẹ dành cho nhân vật tôi. Thứ tình cảm đó khắc sâu vào tâm trí của tác giả theo nhân vật tận đến sau này. Đó là thứ tình cảm khát khao dai dẳng đi theo suốt những năm tháng trưởng thành của nhân vật tôi. Tựa đề câu chuyện là “Và tôi vẫn muốn mẹ...” cho thấy thứ tình cảm mãnh liệt tình mẫu tử. Khi nhân vật tôi chỉ là một đứa trẻ, tình yêu lớn nhất là dành cho gia đình của mình. Dù có đói khát thì chúng vẫn không khóc lóc mà chỉ khóc khi nhớ đến mẹ của mình. Tận khi lớn lên thì thứ tình cảm đó vẫn không mất đi. Dù có không còn chiến tranh, cuộc sống đủ đầy thì thứ tình cảm đó vẫn ăn sâu nẩy mầm trong tâm trí của nhân vật tôi. Viết về đề tài chiến tranh, các nhà văn Việt Nam cũng có rất nhiều tác phẩm nói về hiện thực chiến tranh và ca ngợi tình cảm gia đình trong thời kỳ đó. Như “Chiếc lược

	ngà” của Nguyễn Quang Sáng. Cả hai nhà văn đều dùng những ngôi bút riêng của mình để lên án cái thảm khốc của chiến tranh và ca ngợi cái kiên cường, tình cảm con người trong thời kỳ đó.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh biết trân trọng tình cảm gia đình thiêng liêng, cao đẹp, biết yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh b. Nội dung thực hiện: HS làm việc nhóm, thực hiện bài tập dự án c. Sản phẩm: Bài tập dự án d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - HS có thể sưu tầm những thước phim, câu chuyện cũng nói về đề tài tình cảm gia đình trong chiến tranh Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại những bài tập tốt, đánh giá cho điểm	Bài tập dự án của học sinh

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

5. HDVN:

- Vẽ tranh : Lưu ý chọn bố cục: không gian, màu sắc, đường nét, thời điểm
- Vẽ tranh, thuyết minh về nỗi đau chiến tranh
- Chuẩn bị bài mới “ Cà Mau quê xứ” : Đọc, tìm hiểu nội dung (hiện thực chiến tranh tg2, sự mất mát, đau thương, ước vọng tình mẫu tử thiêng liêng,...)
- Bám sát các câu hỏi trong sgk và sách bài tập.

BÀI 7:

GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 72 - VĂN BẢN 3:

CÀ MAU QUÊ XỨ

(Trích Uống cả phê trên đường của Vũ - Trần Tuấn)

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và hiểu được yêu cầu của tản văn: Cái nhìn đậm nét sắc thái chủ quan của người viết trước thực tại đời sống; phóng túng trong liên tưởng, tưởng tượng để miêu tả đối tượng; tự do trong sử dụng ngôn ngữ và tổ chức văn bản

- Phân tích được sự phối hợp các yếu tố biểu cảm thuyết minh trong bài tản văn, tính chất phi hư cấu, cách khai thác thể hiện chất liệu đời sống và sự tưởng tượng của người viết

2. Về năng lực:

- Phát huy năng lực tự học, giao tiếp và sáng tạo để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập

- Cụ thể:

- + Phân tích được sự phối hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm, thuyết minh trong bài tản văn
- + Phân tích được hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo trong bài tản văn
- + Tham gia thảo luận, trình bày ý kiến cá nhân trong thảo luận nhóm.

3. Về phẩm chất:

Yêu thương, trân trọng con người và cuộc sống ở một vùng đất, một địa danh cụ thể; từ đó bồi dưỡng tình yêu quê hương tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Video, tranh ảnh liên quan

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng thú, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân của HS

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh nghe giai điệu “Áo mới Cà Mau” https://youtu.be/ZeuyOyCdsGI GV nêu câu hỏi: qua bài hát, những hiểu biết về Cà mau, hãy chia sẻ cảm nhận hoặc hình dung của em về vùng đất Cà Mau?	HS nêu hình dung và chia sẻ ấn tượng của bản thân của mình về vùng đất Cà Mau HS có được tâm thế chủ động, tích cực để chuẩn bị tiếp xúc với văn bản tản văn Cà Mau quê xứ
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh liên tưởng, hình dung tái hiện và nêu cảm nhận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm a. Mục tiêu - HS nắm được những nét sơ lược về tác giả, tác phẩm b. Nội dung - HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm. c. Sản phẩm - Các tài liệu HS sưu tầm - Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm d. Tổ chức thực hiện	
Tiến trình hoạt động * Nhiệm vụ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về tác giả và khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá - Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả, thuyết minh sáng tạo - Thảo luận, phản biện chéo B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận - Nhận xét, đánh giá HS * Nhiệm vụ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phân văn bản, xác định bố cục, cảm xúc chủ đạo của văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ - Hoàn thiện câu trả lời B3: Báo cáo, thảo luận - HS báo cáo kết quả - Thảo luận, bổ sung, đánh giá B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận, chốt kiến thức - Nhận xét, khuyến khích hs tích cực	Dự kiến sản phẩm I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả (tên khai sinh Trần Ngọc Tuấn) - Trần Tuấn sinh năm 1967 tại Hà Nội - Là nhà báo, nhà thơ và nhà văn - Tác phẩm đã xuất bản như Ma thuật ngôn (thơ, 2008), Đừng gọi tôi là Lại Phiên Hà (ký sự nhân vật, 2008)... 2. Tác phẩm “Uống cà phê trên đường của Vũ” - Nội dung: Là những trang ký ức về cuộc sống con người ở những nơi vừa gần gũi, bình dị vừa xa xôi hẻo lánh, hùng vĩ...trong và ngoài nước - Nghệ thuật: tiêu biểu cho ký của tác giả: Là sự hòa trộn mượt mà giữa câu từ gãy gọn, rành mạch, thời sự mang hơi hướng của báo chí và sự bay nhảy, bông bênh thâm đượm chất thơ ca – một “chất” viết đặc trưng và khó có thể nhầm lẫn với bất kì ai 3. Trích đoạn - Xuất xứ: Rút ra từ tập bút ký “Uống cà phê trên đường của Vũ”. Đó là những trải nghiệm gần gũi và đáng nhớ của ông về thiên nhiên, con người khi đến mảnh đất Cà Mau - Bố cục: + Đoạn 1: Tâm thế của tác giả khi đến Mũi Cà Mau: + Đoạn 2: “Mà cũng thiệt lạ..... để tạ ơn người khai sinh ra quê xứ” -> cảm xúc khi đến với Cà Mau. + Đoạn 3 : “Tôi về... mắt chợt cay xè” → Cảm xúc khi rời xa Mũi Cà Mau - Cảm xúc chủ đạo: hào hứng và đầy xúc động, nhiều nỗi niềm
Nội dung 2: Khám phá văn bản a. Mục tiêu	

- HS nắm được đối tượng nảy sinh những cảm xúc chủ quan của tác giả; những trạng thái cảm xúc của tác giả đã được thể hiện trong trích đoạn; sự phối hợp các yếu tố biểu cảm, tự sự, thuyết minh, sự phối hợp của sự sáng tạo về ngôn ngữ và các biện pháp tu từ trong trích đoạn

- HS thấy được vẻ đẹp của tản văn, đặc trưng của tản văn.

b. Nội dung

- HS đọc văn bản và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi

c. Sản phẩm

- Phiếu học tập của HS khi đọc văn bản

- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Tiến trình hoạt động	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức HS đọc phân đoạn diễn cảm để có được những cảm nhận ban đầu về văn bản. - Văn bản có nhiều cước chú, GV nhắc HS chú ý từng từ ngữ, nhân vật, địa danh, sự tích,...được chú thích ở chân trang để hiểu nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phân đoạn văn bản, xác định bố cục, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc. - Trả lời câu hỏi trong các box B3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc và trả lời câu hỏi B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, định hướng	II. Khám phá văn bản 1. Đọc văn bản
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tâm thế của tác giả khi đến với Mũi Cà Mau B1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: - Đọc đoạn đầu của bài tản văn, yêu cầu chú ý những câu có nội dung trực tiếp nói rõ tâm thế của người viết khi đến Mũi Cà Mau. Tâm thế đó có ý nghĩa gì đối với người viết tản văn? - Đọc đoạn văn bản SGK trang 46 và cho biết tác giả liên tưởng đến những nhà thơ, nhà văn nào có duyên nợ với vùng đất Cà Mau? Những liên tưởng đó có ý nghĩa gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản và trả lời	2. Tìm hiểu văn bản 2.1. Tâm thế của tác giả khi đến với Mũi Cà Mau a. Tâm thế của tác giả - Tâm thế rất nhẹ nhàng: “<i>đi chơi</i>” có nghĩa là đến với miền đất lạ, đi tìm niềm hứng khởi mới, để được trải nghiệm bằng tất cả các giác quan và cảm xúc. - Với tác giả - người viết tản văn – những trải nghiệm thực tế như vật vô cùng quan trọng. Nó đánh thức khả năng khám phá về vùng đất và con người nơi đây. Nó gọi lên trong lòng người viết những cảm xúc mới mẻ, những quan sát và suy ngẫm có chiều sâu. Qua liên tưởng bất chợt, hiện tại với quá khứ, chuyện đời với trang văn, hiện thực và ước vọng...cũng đồng thời được kết nối. Đây là những điều kiện cần thiết cho sự sáng

B3: Báo cáo, thảo luận Đại diện cặp đôi, HS chia sẻ những cảm nhận ban đầu về tâm thế, mục đích của tác giả B4: Kết luận, nhận định, - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt	tạo trong tâm văn. b. Những nhà thơ, nhà văn có duyên nợ với Mũi Cà Mau - Đến với Mũi Cà Mau, tác giả liên tưởng đến những nhà thơ, nhà văn đã có duyên nợ với vùng đất này là Nguyễn Tuân, Anh Đức và Xuân Diệu, Nguyễn Ngọc Tư, Sơn Nam - Tác dụng: + Khẳng định sức hấp dẫn và thú hút của con người và mảnh đất Cà Mau + Khẳng định khát khao, niềm thích thú của tác giả muốn khám phá vùng đất Cà Mau trong quá khứ và hiện tại + Là thách thức khi cầm bút viết về Cà Mau								
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cảm xúc của tác giả khi đến với Mũi Cà Mau B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hỏi: Khái quát: Liệt kê những cảm xúc của tác giả khi tận mắt đặt chân đến Cà Mau? Cảm xúc đó có thể nảy sinh từ đâu? được bộc lộ bằng cách nào? - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ sau: Nhóm 1: đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu “ Mà cũng thiệt lạ....áo trắng của Duyên hắt vào tôi một mảng mây ngàn tuổi” <table><tr><td>Cà Mau trong quan sát miêu tả của tác giả</td><td>Hành động của tác giả và mọi người khi đến Cà Mau</td><td>Cảm xúc của tác giả</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> Nhóm 2: đọc đoạn văn và hoàn thành yêu cầu “ hay là chỗ này Nguyễn Bính hắt chén rượu...thành quê xứ con người hay đến vậy” <table><tr><td>- Hình ảnh NT Nguyễn Bính xuất hiện trong liên tưởng với 2 câu thơ có từ quê xứ Từ “Quê xứ” mà người dân nơi đây đã dùng, cách</td><td></td></tr></table>	Cà Mau trong quan sát miêu tả của tác giả	Hành động của tác giả và mọi người khi đến Cà Mau	Cảm xúc của tác giả				- Hình ảnh NT Nguyễn Bính xuất hiện trong liên tưởng với 2 câu thơ có từ quê xứ Từ “Quê xứ” mà người dân nơi đây đã dùng, cách		2.2 Cảm xúc của tác giả khi đến với Mũi Cà Mau a Trạng thái tình cảm của tác giả và mọi người khi mới đến Cà Mau: + Cà Mau trong quan sát : Một doi đất con con hao hao một góc gò nổi miền trung...giữa trưa nắng tung bùng muốn khô quần mây đợt phù sa bên mồm non sông” + Tác giả và bạn: hì hục mang tập thơ còn thơm mùi mực ra đốt lấy tro thả xuống biển chỉ vì trong tập thơ đó có bài thơ anh bạn tưởng tượng viết về phương nam tự khi nào.=> Tác giả tự nhận là “nông nổi kỳ quặc” + Anh bạn đất mũi từng kể chuyện đã chứng kiến đủ kiểu xúc động của những vị khách khi đến đây “người ôm cây cột mốc, kẻ ôm cây đước, kẻ lại nằm lăn xuống bùn lầy để ...khóc vì sung sướng. Còn vô khối người vốc nắm đất, mang chai nước biển về đặt trên giá sách hoặc tặng người thân ở nhà” Nhận xét: Với tác giả, Cà Mau hiện lên vừa lạ vừa quen. Đến được vùng đất cực nam, tác giả cũng như bao người khác, vô cùng hạnh phúc, đầy yêu thương triu mến b.Liên tưởng hình ảnh nhà thơ Nguyễn Bính và cách dùng từ “quê xứ” của người dân - Hình ảnh Nguyễn Bính với 2 câu thơ xuất hiện trong liên tưởng của tác giả góp phần tô đậm thêm tâm trạng nôn nao, nhớ quê nhà da diết
Cà Mau trong quan sát miêu tả của tác giả	Hành động của tác giả và mọi người khi đến Cà Mau	Cảm xúc của tác giả							
- Hình ảnh NT Nguyễn Bính xuất hiện trong liên tưởng với 2 câu thơ có từ quê xứ Từ “Quê xứ” mà người dân nơi đây đã dùng, cách									

tác giả dùng từ này để đặt tên nhan đề văn bản góp phần thể hiện cảm xúc gì ? - Cảm xúc: được bộc lộ trực tiếp ? gián tiếp ? Phép tu từ trong đoạn văn ?		- Cách dùng từ “quê xứ” ở vùng đất phương nam: chỉ những địa điểm ở Cà Mau kết nối với nhan đề tác giả đã đặt tên => vùng đất Cà Mau vừa gần mà vừa xa: Xa trong khoảng cách địa lý mà thật gần gũi tràn đầy tự hào và yêu mến. Bởi Cà Mau cũng là một phần của tổ quốc VN yêu thương
Nhóm 3: Đọc đoạn văn và hoàn thành yêu cầu “ giờ thì mấy anh em cời trăn ngòi lai rai....phải nghỉ ít hôm”		c. Trạng thái cảm xúc khi chứng kiến cảnh lao động chế biến ghe của người dân
Phương thức biểu đạt nào đã được sử dụng để góp phần bộc lộ cảm xúc ? Cụ thể được sử dụng ntn? (Gợi ý: Cảnh chế biến ghe biển diễn ra ở đâu, ntn)	Tâm trạng của tác giả khi tận mắt chứng kiến sự việc này ? Trực tiếp hay gián tiếp ?	- Cảnh chế biến ghe được miêu tả: diễn ra ở ngôi nhà số 1- ngôi nhà cuối cùng của dải đất hình chữ S, ngôi nhà đầu tiên tính từ mũi đất trở vào, ngôi nhà sàn thưng bằng lá dừa ở ấp Mũi, xã Ấp mũi, huyện Ngọc Hiển của anh Nguyễn hoàng Phúc và chị vợ tên Tuyết. Họ mua ghe, thuê nhân công sau đó xuất khẩu sang các tỉnh lân cận, sang cả nước xung quanh => tự sự, miêu tả chân thực tỉ mỉ - Tác dụng : Cảnh hiện lên sống động góp phần gián tiếp thể hiện tâm trạng đồng cảm của tác giả trước cảnh lao động nhọc nhằn...
		d.Tâm trạng của tác giả khi tìm hiểu sâu hơn thiên nhiên cuộc sống lao động của người dân
Nhóm 4: đọc đoạn văn và hoàn thành nhiệm vụ “ <i>nhìn xuống biển dưới sàn....để khai sinh ra quê xứ</i>”		- Các chi tiết về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư trả lời trên báo TPCN -> Cuộc sống vùng đất rất bình dị, không ồn ào náo nhiệt và có phần cô đơn, con người phải tự vật lộn với chính mình để sinh tồn, thoát ra khỏi nghịch cảnh
Tâm trạng của tác giả khi tìm hiểu sâu hơn thiên nhiên và cuộc sống lao động của con người nơi đây		- Chi tiết về đấu tranh sinh tồn của cây đước và con tôm được kể trong ngôi nhà của phó CT Lê Hoàng Liêm :
Thống kê các chi tiết tiêu biểu và cách miêu tả, diễn đạt hình ảnh	Tâm trạng của tác giả? cách giải bày ?	+ Cây đước “ đóng mình xuống phù sa một vốc dáng trầm ngâm, bình minh và hoàng hôn cùng một ngày treo trên cây đước...những trái đước treo trên cây như những hạt phù sa...đến 1 ngày cảm thấy xuống phù sa, mọc lên những thân đước mới” ,
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS bước đầu nêu những đánh giá về cảm xúc của tác giả.		+ Con tôm “ôm cây đước” cây đước bị đốn hạ nhường chỗ cho con tôm. Rừng đước cứ thế rời xa dần con người.
HS thảo luận nhóm, các nhóm thống nhất ý kiến và cử đại diện trình bày.		+ Hình ảnh con người “ phó mũi” “Lê Hoàng Liêm, vốn xuất thân từ lính biên phòng, vắn tắt lưng gầy gò trên ghé, gương mặt đen sạm cứ quần lại”
B3: Báo cáo, thảo luận		=> Cách miêu tả tỉ mỉ, chân thực, giàu hình
B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và kết luận, cho điểm khuyến khích học sinh		

GV giảng thêm: Ở thời điểm bài tản văn ra đời, những khung cảnh, nhân vật đó chính là câu chuyện của hiện tại, có tính thời sự nóng hổi, mang hơi thở của cuộc sống bề bộn đang chuyển mình, vận động. Quan sát dòng chảy của cuộc sống để ghi lại một cách chân thực, đó là thế mạnh vốn có của thể loại kí.	ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ làm hiện lên ấn tượng sâu đậm, sát thực và khách quan về thiên nhiên và cuộc sống con người: Đặc trưng nổi bật của Cà Mau (cây đước) và cuộc sống mưu sinh vật lộn nhọc nhằn cả sự trả giá vì hành động mưu sinh của chính con người. => Giải bày gián tiếp tâm trạng suy ngẫm của tác giả: Sự đồng cảm, suy tư - Những tò mò, suy ngẫm liên tưởng về hành trình đến Cà Mau của Nguyễn Tuân -> Giải bày gián tiếp lòng tạ ơn đối với con người Cà Mau những con người đã “khai sinh ra xứ”
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu tâm trạng của tác giả khi rời xa Cà Mau B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV gọi hs đọc diễn cảm đoạn “Tôi về, mang theo cái nhìn lánh đen...mắt tôi chợt cay xè” - GV hỏi: Tại sao khi ra về tác giả lại nhớ, liên tưởng đến đôi mắt và chi tiết về thân cây đước Cà Mau? Nhằm mục đích giải bày điều gì? Chi tiết “mắt tôi chợt cay xè” diễn tả cảm xúc gì của tác giả? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời B3: Báo cáo, thảo luận - Trình bày, phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm	3. Cảm xúc khi rời xa Cà Mau - “Tôi về, mang theo cái nhìn lánh đen...mắt tôi chợt cay xè” → ấn tượng sâu đậm về con người và thiên nhiên Cà Mau: vô cùng tươi đẹp và giàu có. - Cảm xúc: rung rung xúc động bồi ngùi, có cả sự lưu luyến băng khuâng...
Nội dung 3: Tổng kết về nội dung và nghệ thuật của tản văn a. Mục tiêu: Khái quát vấn đề đã học b. Nội dung: Củng cố, tổng kết nội dung của cả bài Phương thức thực hiện: Hoạt động cá nhân, cặp đôi; Dựa trên phương pháp nêu và giải quyết vấn đề. c. Sản phẩm: Kết quả trả lời nhanh dạng phát vấn Phương án kiểm tra, đánh giá: Đánh giá kết quả hoạt động cá nhân của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ Câu hỏi: - Văn bản mang những đặc điểm nghệ thuật nào của một tác phẩm tản văn? + Chất trữ tình được thể hiện như thế nào? + Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.	III. TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Chất trữ tình được bộc lộ qua cảm xúc rất đa dạng, độc đáo, có sự kết hợp nhuần nhuyễn với phiwong thức biểu đạt tự sự, thuyết minh. - Sử dụng sáng tạo ngôn ngữ và các biện

+ Nhân xét cách đưa những thông tin, hình ảnh về thiên nhiên và con người ở Đất Mũi. - Khái quát nội dung chính của văn bản B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời. B3: Báo cáo thảo luận B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt Về nghệ thuật: - Chất trữ tình trong bài tản văn được bộc lộ qua cảm xúc của người viết, cùng với cách thể hiện vừa đa dạng, vừa có nhiều nét độc đáo. Chẳng hạn: + Người viết đến với Mũi Cà Mau với tâm thế nhẹ nhõm, những kỉ thực để thỏa nỗi “<i>khát thêm phù sa ròng ròng tươi mới</i>”. Những rung động mới mẻ, tức thì của tâm hồn khi tiếp xúc với con người và cảnh vật đang thay thế cho sự hiểu biết về một vùng đất qua trang văn của những người đi trước. + Mượn lời văn trong tác phẩm của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư nói hộ nỗi niềm: “<i>Cá thòi lòi...lạ lắm sao?</i>” + Thấy được sự bồi hồi rất lạ của lòng mình đối với những kiểu bày tỏ niềm xúc động của bao nhiêu người từ mọi miền về đây. + Nhìn cảnh quan, sản vật, con người, lắng nghe lời ăn tiếng nói của “quê xứ Cà Mau” với niềm yêu mến, gần gũi, thân tình. + Đồng cảm với mọi lo toan, bẽ bộn trong cuộc mưu sinh của những con người gắn bó với quê hương Mũi Cà Mau. + Không giấu được niềm xúc động kín đáo khi rời Mũi Cà Mau. - Sự sáng tạo về ngôn ngữ và các biện pháp tu từ: + Sử dụng từ ngữ mang màu sắc hiện đại: “<i>ổ cứng xúc cảm</i>”, “<i>xi đi</i>”, “<i>ổ cứng cũ mềm</i>” “<i>phai</i>”... + Dùng từ lấy tượng hình giàu sức	pháp tu từ. - Hình ảnh thiên nhiên và con người được xây dựng chân thực, sắc nét, tạo được ấn tượng riêng biệt 2. Nội dung - Những cảm xúc chủ quan phong phú, nổi bật của tác giả về vùng đất mũi - Những thông tin xác thực về thiên nhiên con người nơi đất mũi Cà Mau
--	---

gợi: “lá dừa nước nằm cheo leo...cây cầu lắt lẻo dẫn ra thân cây đước” + Dùng từ ngữ địa phương Nam Bộ: “<i>mấy con ghẹ hấp thiệt ngon bỏ vào đĩa, xây chường 1 li rồi đứng dậy</i>”... + Cách kết hợp từ độc đáo “<i>giờ tới lượt bạn tôi gửi mấy đọt phù sa thơ kèm chút gió Lào cổ quận</i>” + Dùng phép chuyển nghĩa tạo liên tưởng bất ngờ giàu cảm xúc “<i>áo trắng của Duyên hất vào tôi một mảng mây ngàn tuổi</i>” + Sử dụng các biện pháp tu từ như nhân hóa, so sánh, liên tưởng “<i>những hạt phù sa sinh nở khởi từ hai chữ “quê nhà” ấy của thi sĩ đất Bắc</i>”,...	
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP	
a. Mục tiêu: - Kết nối đọc – viết đoạn văn với yêu cầu 150 chữ từ ý của câu nói “<i>Không có khói, mà sao bước chân lên tàu rời Mũi, mắt tôi chột cay nhòe</i>” b. Nội dung - GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu - Thời gian: 10 phút c. Sản phẩm - Bài làm của HS: đoạn văn 150 chữ d. Tổ chức thực hiện	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ Từ ý của câu nói “<i>Không có khói, mà sao bước chân lên tàu rời Mũi, mắt tôi chột cay nhòe</i>”, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nói về cảm xúc của tác giả đối với Mũi Cà Mau. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 10 phút B3: Báo cáo thảo luận - Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định. - GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.	– Để viết đúng yêu cầu, người viết cần làm sáng tỏ một số khía cạnh: <i>câu văn được dẫn đề cập đến khía cạnh gì ? Vấn đề đó liên quan như thế nào đến đối với yêu cầu của phần viết? Cảm xúc của tác giả đã được thể hiện như thế nào trong bài tản văn?</i>
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG	
a. Mục tiêu: kết nối văn bản với cuộc sống b. Nội dung: HS thử nhập vai là nhân vật “tôi” và vẽ một bức tranh về “tôi” trong	

chuyến hành trình đến Cà Mau

c. Sản phẩm: Tranh vẽ của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ: Làm việc theo nhóm

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc ở nhà

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình vào tiết sau.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các sản phẩm đạt yêu cầu, lựa chọn các sản phẩm tốt để cả lớp tham khảo

Các nhóm trình bày sản phẩm đồng thời nêu được cảm xúc của nhân vật mình đã thể hiện trong bức tranh

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

5. HDVN:

- Vẽ tranh : Lưu ý chọn bố cục: không gian, màu sắc, đường nét, thời điểm (Tác giả mới đến? Ra về ?....)

- Chuẩn bị bài Thực hành tiếng Việt : Một số hiện tượng phá vỡ qui tắc ngữ pháp thông thường (đặc điểm, tác dụng) trong thơ và văn xuôi

Để làm được bài tập, hs xem lại bài 2 sgk ngữ văn 11 kỳ 1 trang 65

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

VĂN BẢN ĐỌC – tiết 70-71- “VÀ TÔI VẪN MUỐN MẸ...”

(Trích “Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em)

Xvét-la-na A-lếch-xi-ê- vích (Svetlana Alexievich)

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí, cụ thể:

+ Chú trọng ghi chép sự thực đời sống

+ Thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...)

- Hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí

2. Về năng lực:

- Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập

- Cụ thể:

+ Nắm được nội dung câu chuyện trong văn bản với những điểm nhấn quan trọng.

+ Phân tích và lí giải được những hình ảnh, chi tiết nghệ thuật quan trọng theo cảm nhận cá nhân

+ Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

- Đồng cảm với những nỗi đau, sự mất mát của con người do chiến tranh gây ra.

- Trân trọng giá trị của tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm mẹ con.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

4. **Tổ chức**

5. **Kiểm tra bài cũ**

6. **Bài mới**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: c. Sản phẩm d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ❖ GV gợi dẫn câu hỏi: Em hãy chia sẻ, trao đổi những câu chuyện, nhân vật mà các em được chứng kiến, được nghe kể lại hoặc tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật về tình mẹ con và những di họa do chiến tranh để lại? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Chia sẻ của HS Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS ⇒ Dẫn dắt vào bài học
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát a. Mục tiêu: - Nắm được vài nét về tác giả, tác phẩm để dễ dàng hơn trong tiếp cận văn bản b. Nội dung thực hiện: - GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn cá nhân. c. Sản phẩm d. Tổ chức thực hiện	
2.1 Tìm hiểu khái quát Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản, đọc chú thích, GV phát vấn + <i>Em hãy nêu những ấn tượng đặc biệt của em về tác giả, tác phẩm?</i> Thời gian: 15ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc chú thích - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Là nhà báo, nhà văn Belarus được trao giải Nobel văn học năm 2015. - Một số tác phẩm tiêu biểu: Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ, Những nhân chứng cuối cùng, Lời nguyện cầu từ Chec – nô – bun... - Các tác phẩm phi hư cấu của bà đã dựng lên “một tượng đài tưởng niệm sự thống khổ và lòng can đảm trong thời đại chúng ta” 2. Tác phẩm

Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Rút từ cuốn “Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em”. Cuốn truyện này sử dụng hình thức phỏng vấn những người có tên tuổi, nghề nghiệp cụ thể từng trải qua thực tế tàn khốc của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai từ khi còn thơ bé. - Với hình thức này, tác giả đã chọn lọc, sắp xếp lại sự kiện để đem đến cho người đọc những câu chuyện hải hùng trong kí ức của các nhân vật.
Nội dung 2: Khám phá văn bản b) Mục tiêu: - Học sinh nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí – một thể loại chú trọng ghi chép sự thực đời sống và thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...) - Qua việc đọc văn bản, HS có thể hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí. Từ đó thấy được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc b. Nội dung thực hiện: GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn cá nhân, tiến hành thảo luận nhóm, cho HS thuyết trình c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, bài thuyết trình d. Tổ chức thực hiện	
Nhiệm vụ 1. Tóm tắt văn bản Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Đọc văn bản: GV đọc mẫu trước một đoạn sau đó gọi một số học sinh lần lượt đọc từng đoạn của văn bản. (Lưu ý: chọn giọng đọc phù hợp khi nhắc lại những kí ức đau thương của nhân vật) - Câu hỏi: Hãy tóm lược nội dung của văn bản qua các sự kiện, chi tiết tiêu biểu? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	II. Đọc hiểu văn bản 1. Tóm tắt văn bản - Vào năm 1941, khi “tôi” 8 tuổi đã từ biệt bố mẹ đi dự trại hè đội viên, tôi gặp một trận bom của phát xít Đức, chứng kiến sự đổ máu và chết chóc. - “Tôi” cũng như biết bao đứa trẻ khác phải rời trại hè, mang theo lương thực, thực phẩm về một vùng hậu phương xa xôi, nơi không có bom đạn. - Ở vùng đất mới, những đứa trẻ biết thế nào là thiếu thốn, đói khát, không có gì để ăn đến nỗi phải giết một con ngựa già chuyên chở đồ đạc, thậm chí ăn cả chồi mầm, vỏ cây. Trên tất cả là nỗi nhớ mẹ, nhớ đến nỗi gào khóc không nguôi. - Đến lớp Ba, tôi trốn trại và được một gia đình ông già cưu mang. Trong lòng tôi chỉ có một nỗi ước ao được đi tìm mẹ - Cứ thế, mãi sau này khi đã năm mươi một tuổi, tôi vẫn muốn có mẹ. => Điểm nhấn quan trọng trong câu chuyện là các sự kiện liên quan đến mẹ, điều đã được khái quát ở nhan đề của văn bản. Mẹ luôn hiện diện ở mọi thời khắc quan trọng trong cuộc đời tác giả và nỗi khao khát có mẹ đã trở thành một ám

	ảnh không người trong lòng nhân vật tôi. Vậy mà cuối cùng, chiến tranh đã cướp đi tất cả
Nhiệm vụ 2. Xác định những yếu tố tạo nên tính xác thực của văn bản Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Chỉ ra những yếu tố tạo nên tính xác thực của các sự kiện được nhân vật kể lại cũng như trạng thái tâm lí của nhân vật trước các sự kiện đó (Thế nào là sự xác thực? Khi kể lại một sự kiện, việc kể đó có liên quan gì đến thái độ của người kể hay không?) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi, tiến hành thảo luận - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	2. Yếu tố tạo nên tính xác thực của văn bản - Đối với một tác phẩm truyện kí, tính xác thực là một yếu tố quan trọng. Ở văn bản này một số yếu tố sau đây có thể giúp ta nhận thức được tính xác thực của các sự kiện được kể lại: - Người kể chuyện có tên tuổi, cụ thể, rõ ràng. Đó là Din - na Cô –si- ắc- một thợ làm tóc - Câu chuyện gắn với tuổi thơ của người được kể (lúc bấy giờ mới 8 tuổi). Vào thời điểm kể lại câu chuyện cho độc giả nghe, người kể chuyện đã năm mươi một tuổi. - Câu chuyện được kể bởi người kể chuyện ở ngôi thứ nhất, điều đó cho thấy những sự kiện được kể lại gắn liền với trải nghiệm thực tế của người kể chứ không qua một nhân vật trung gian nào. Người kể cũng không giấu thái độ của mình qua các sự kiện, tình huống: sợ hãi, lo âu, hoảng loạn, buồn bã...
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu bức tranh hiện thực cuộc sống: Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Bức tranh cuộc sống đặc biệt nào được tái hiện trong văn bản? Những chi tiết, hình ảnh nào có tác dụng làm nổi bật bức tranh cuộc sống đặc biệt đó? Chi tiết, hình ảnh nào đã thực sự gây được ấn tượng mạnh mẽ với em? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	6. Bức tranh hiện thực cuộc sống Những ngày đau thương, đói khát, hãi hùng và thiếu thốn tình cảm của bao đứa trẻ trong chiến tranh khốc liệt – đó chính là nét đặc biệt của bức tranh cuộc sống được tái hiện trong văn bản. Bức tranh cuộc sống đặc biệt này được tạo nên bởi nhiều chi tiết, hình ảnh sống động: + Máy bay đánh bom “tất cả màu sắc đều biến mất”, lần đầu tiên đứa bé biết đến từ “chết chóc”. => ấn tượng đậm nét về chiến tranh + Trên tàu, những đứa bé chứng kiến cảnh nhiều người lính bị thương, rên la vì đau đớn. => nhiều người đã ngã xuống + Triền miên trong đói khát, người ta giết thịt cả con ngựa già thân thiết duy nhất, rồi phải ăn cả cây cỏ để sống qua ngày. => thiếu thốn về vật chất + Trong trại trẻ mồ côi, hàng chục đứa bé khóc rên gọi tên ba mẹ. Hễ nhắc tới từ “mẹ” là tất cả lại “gào khóc không người”. => thiếu thốn về tinh thần (nhớ mẹ tha thiết) + Đứa bé lớp Ba trốn trại đi tìm mẹ, đói lả và kiệt sức, may được một ông lão đem về nuôi. + Sau hàng chục năm trôi qua, cái cảm giác đói và thiếu mẹ vẫn luôn quay lại dằn vặt nhân vật “tôi”.

	=> HS có thể lựa chọn một chi tiết bất kì để phân tích (đưa ra cảm nhận riêng riêng của bản thân).
Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu vai trò của tác giả Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Toàn bộ câu chuyện được kể bởi một người vì chiến tranh mà đã phải nếm trải những ngày tháng đau thương ở tuổi ấu thơ, tác giả chỉ là người ghi lại. Vậy trong việc tạo lập văn bản này, tác giả đóng vai trò gì? Phân tích thái độ của tác giả khi ghi lại các sự việc mà nahan chứng kể lại? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	7. Vai trò của tác giả - Tư liệu sống để viết nên tác phẩm kí này hoàn toàn do người thợ làm tóc năm mươi một tuổi tên là Din – na Cô – si - ắc cung cấp cho nhà văn. - Mặc dù chỉ là người ghi lại, nhưng tác giả đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo lập văn bản. Vai trò này không chỉ thể hiện ở việc lựa chọn ngôn từ, giọng kể mà còn thể hiện ở cách sắp xếp các sự việc, sáng tạo các chi tiết, hình ảnh giàu ý nghĩa. Đặc biệt, mặc dù người kể chuyện thuộc ngôi thứ nhất xưng tôi nhưng lời kể không còn là lời nguyên bản của người thợ làm tóc, mà là lời kể có tính nghệ thuật được nhà văn sáng tạo nên. - Qua lời kể, nhà văn thể hiện thái độ đồng cảm với những đau thương mà nhân chứng từng nếm trải - Hs có thể phân tích một số chi tiết nói về những cảm giác đói khát, về niềm ao ước được gặp lại mẹ của tác giả để dùng làm minh họa)
Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu những yếu tố tạo nên sức lay động của văn bản: Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn + Theo em những yếu tố nào có tác dụng tạo nên sức lay động của văn bản đối với người đọc? Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản là gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ văn bản, thảo luận nhóm nhỏ (2 HS/nhóm) - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	8. Những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của văn bản - Với một tác phẩm truyện kí, yếu tố tác động đến tình cảm của người đọc chính là bản thân câu chuyện với các sự việc, tình huống nhân vật.. được kể lại. - Trong văn bản những sự việc từng xảy ra trong thực tế đời sống gắn với thời khắc, địa điểm, không gian cụ thể, được tái hiện bằng lời ghi chép khách quan nhưng có sức lay động rất mạnh cảm xúc của người đọc. Ví dụ : cảnh chia lìa giữa những đứa bé ngây thơ với bố mẹ, tình trạng giày vò khốn khổ vì thiếu thốn vật chất và tình cảm trong chiến tranh... => tất cả những sự bi kịch này được kể lại hết sức sinh động, cụ thể đến từng chi tiết, tạo cho người đọc người nghe cảm giác như đang tận mắt chứng kiến sự đau khổ tột cùng của những con người yếu ớt. - Thông điệp: + Yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh. + Tình mẫu tử thiêng liêng kể cả trong chiến tranh khốc liệt
Nội dung 3: Tổng kết:	

a. Mục tiêu: Giúp HS - Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân. c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS. d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV phát vấn + Theo em văn bản “Và tôi vẫn muốn mẹ” có những nét đặc sắc gì về nội dung? Nghệ thuật? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại bài - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	III/ Tổng kết 1. Giá trị nội dung Tác phẩm “Và tôi vẫn muốn mẹ...” của A-lếch-xi-ê-vích cho chúng ta thấy được một bức tranh hiện thực về chiến tranh khốc liệt, nhưng ở đó vẫn có những đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ, mang trong mình những tình cảm thiêng liêng. Từ đó, ta càng trân trọng cuộc sống hòa bình hiện nay và càng yêu thương gia đình hơn. 2. Giá trị nghệ thuật - Truyện kể một thể loại mang đậm dấu ấn về khắc họa nhân vật - Ngôn ngữ giàu sức biểu cảm - Câu từ dễ hiểu và hợp lí
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài truyện kí, HS viết kết nối với đọc b. Nội dung thực hiện Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích ý nghĩa hai câu cuối “Tôi đã năm mươi một tuổi, tôi có hai con. Và tôi vẫn muốn mẹ.” Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt ý theo bài làm của HS	Bài làm tham khảo Hai câu cuối cho ta thấy tình cảm sâu sắc của nhân vật tôi với ba mẹ của mình, đó có lẽ là thứ tình cảm giúp nhân vật tôi vượt qua sự khốc liệt của chiến tranh. Lúc nào cũng muốn được tìm lại mẹ, không ngại khó khăn khổ cực. Những câu chuyện mà nhân vật tôi kể, không có những khung cảnh gia đình áp, ở đó toàn sự chia ly xa cách. Nhưng ta vẫn có thể cảm nhận được sự yêu thương của nhân vật tôi dành cho cha mẹ, cũng như của cha mẹ dành cho nhân vật tôi. Thứ tình cảm đó khắc sâu vào tâm trí của tác giả theo nhân vật tận đến sau này. Đó là thứ tình cảm khát khao dai dẳng đi theo suốt những năm tháng trưởng thành của nhân vật tôi. Tựa đề câu chuyện là “Và tôi vẫn muốn mẹ...” cho thấy thứ tình cảm mãnh liệt tình mẫu tử. Khi nhân vật tôi chỉ là một đứa trẻ, tình yêu lớn nhất là dành cho gia đình của mình. Dù có đói khát thì chúng vẫn không khóc lóc mà chỉ khóc khi nhớ đến mẹ của mình. Tận khi lớn lên thì thứ tình cảm đó vẫn không mất đi. Dù có không còn chiến tranh, cuộc sống đủ đầy thì thứ tình cảm đó vẫn ăn sâu nẩy mầm trong tâm trí

	của nhân vật tôi. Viết về đề tài chiến tranh, các nhà văn Việt Nam cũng có rất nhiều tác phẩm nói về hiện thực chiến tranh và ca ngợi tình cảm gia đình trong thời kỳ đó. Như “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng. Cả hai nhà văn đều dùng những ngòi bút riêng của mình để lên án cái thảm khốc của chiến tranh và ca ngợi cái kiên cường, tình cảm con người trong thời kỳ đó.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh biết trân trọng tình cảm gia đình thiêng liêng, cao đẹp, biết yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh b. Nội dung thực hiện: HS làm việc nhóm, thực hiện bài tập dự án c. Sản phẩm: Bài tập dự án d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - HS có thể sưu tầm những thước phim, câu chuyện cũng nói về đề tài tình cảm gia đình trong chiến tranh Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại những bài tập tốt, đánh giá cho điểm	Bài tập dự án của học sinh

4. Củng cố: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

5. HDVN:

- Vẽ tranh : Lưu ý chọn bố cục: không gian, màu sắc, đường nét, thời điểm
- Vẽ tranh, thuyết minh về nỗi đau chiến tranh
- Chuẩn bị bài mới “ Cà Mau quê xứ ” : Đọc, tìm hiểu nội dung (hiện thực chiến tranh tg2, sự mất mát, đau thương, ước vọng tình mẫu tử thiêng liêng,...)
- Bám sát các câu hỏi trong sgk và sách bài tập.

BÀI 7:

GHI CHÉP VÀ TƯỞNG TƯỢNG TRONG KÝ PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 73

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG NGUYÊN TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG (Tiếp theo) (Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm vững biểu hiện của hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Phân biệt được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường vì mục đích sáng tạo, với việc vi phạm quy tắc do thiếu hiểu biết hoặc bất cẩn trong sử dụng ngôn ngữ

- Hiểu được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường không chỉ diễn ra ở văn bản thơ mà cả ở văn xuôi.

- Hiểu được: trong ngôn ngữ văn xuôi, việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường một cách có chủ ý luôn hướng tới mục đích nghệ thuật nhất định.

2. Về năng lực:

- Phát huy các năng lực tự học, năng lực hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo để đáp ứng những yêu cầu của bài học.

- Cụ thể:

+ Vận dụng kiến thức về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường vào việc phân tích văn bản nghệ thuật.

+ Chủ động tham gia thảo luận, trình bày ý kiến trong quá trình học tập

3. Về phẩm chất:

Có ý thức chăm chỉ và nỗ lực trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, dụng cụ học tập (nam châm, giấy roky)

2. **Học liệu:** Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, sách giáo khoa

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

Tổ chức chơi trò chơi “**ong tìm chữ**”, điền vào ô chữ các từ để tạo thành từ có nghĩa

- Buồn *điệp điệp*
- Sầu *giăng giăng*
- Sầu *thăm thăm*

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- Chơi trò chơi: Tìm từ
- GV chia lớp thành các đội chơi Tìm từ
- Đội nào không tìm được từ có nghĩa là đội thua

c. **Sản phẩm:** Các từ tìm được của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức hoạt động B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Các em vừa thực hiện việc tìm các từ ghép với nhau theo một tầng nghĩa nhất định. Việc các em tìm ra từ mới dựa trên việc phá vỡ các quy tắc thông thường về mặt ngữ nghĩa. Điều này không chỉ diễn ra trong đời sống mà còn trong những văn bản nghệ thuật, cả thơ và văn xuôi. Việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông	Học sinh tham gia chơi trò chơi

thường này sẽ mang lại những giá trị nhất định về nội dung và nghệ thuật.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu tri thức tiếng việt

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các tác dụng cơ bản của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản nghệ thuật: Thơ và văn xuôi.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
1. Tìm hiểu tri thức tiếng việt	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ <i>Gv yêu cầu Hs cho biết tác dụng cơ bản của việc phá vỡ các nguyên tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản thơ, văn xuôi; Phân biệt được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường với việc mắc lỗi trong sử dụng ngôn ngữ, hoàn thành phiếu học tập 01</i> - HS thực hiện nhiệm vụ.	1. Tác dụng của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản nghệ thuật - Việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường sẽ phục vụ cho một ý nghệ thuật nào đó. - Việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường một cách sáng tạo của tác giả sẽ tạo ra những hiệu quả tích cực: + Thể hiện cái nhìn độc đáo của người viết về đối tượng. + Gợi những liên tưởng lạ lùng, mới mẻ cho người đọc. + Làm mới cách biểu đạt tránh sự sáo mòn trong sử dụng ngôn ngữ.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ - HS thực hiện nhiệm vụ	
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

PHIẾU HỌC TẬP 01: Chỉ ra tác dụng khi Nguyễn Tuân sử dụng các từ ngữ miêu tả vẻ đẹp trữ tình của dòng sông Đà, trong ngữ liệu sau:

Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- **Học sinh chỉ ra được** biểu hiện của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường
- **Học sinh quy được** những biểu hiện đó về dạng thức cụ thể
- **Học sinh thực hành** giải bài tập vận dụng trong sách giáo khoa
- **Học sinh vận dụng** để tạo lập văn bản có dụng ý nghệ thuật từ việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

b. Nội dung thực hiện:

Học sinh thực hành bài tập 1 và 2 trong sách giáo khoa thấy được tác dụng của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. Luyện tập	
NV: Hướng dẫn học sinh làm bài 1,2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: GV <i>chia lớp thành 4 nhóm</i> + <i>Nhóm 1,3: Bài 1</i> + <i>Nhóm 2,4: Bài 2</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS đọc thảo luận Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Hướng dẫn câu trả lời bài tập 1 và 2 Bài 1: Câu thơ mà tác giả đã sáng tạo bằng cách phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường là: a. “Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán Trắng xóa Tràng Giang phẳng lặng tờ.” Căn cứ xác định: Sự khác biệt với thông thường, thông thường tính từ thường đặt sau danh từ mà nó bổ nghĩa nhưng trong trường hợp này các tính từ <i>xanh om, tròn xoe</i> lại được đặt trước các danh từ <i>Cỏ thụ, tán</i> . => <i>Sáng tạo bằng cách phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.</i> b. “Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá, Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.” Căn cứ xác định: cách kết hợp từ lạ, không gặp trong giao tiếp hằng ngày. Lượng từ <i>ít, nhiều</i> bình thường không bao giờ kết hợp với danh từ <i>Trăng</i> bởi lẽ Trăng là sự vật duy nhất. => <i>Tạo sự độc đáo, vượt ngoài lối nói thông thường bằng cách kết hợp bất ngờ.</i> Bài 2: Những cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường là: a. <i>bát ngát tiếng gà</i> - <i>bát ngát</i> là từ chỉ không gian, không thể kết hợp với từ <i>tiếng gà</i> => <i>góp phần làm cho câu văn giàu hình ảnh, không gian mở rộng hơn, xa xăm hơn, mênh mông hơn.</i> b. <i>lông tay thơ thần với Cà Mau</i> => <i>cách kết hợp lạ tạo tâm thế thoải mái vui vẻ, nhẹ nhõm khi đến với Cà Mau</i>

PHIẾU HỌC TẬP 02:

Phiếu học tập 02:

Câu thơ mà tác giả đã sáng tạo bằng cách phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường là:

Ngữ liệu	Đáp án
“Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán Trắng xóa Tràng Giang phẳng lặng tờ.”	
“Trong vườn đêm ấy nhiều trắng quá, Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.”	
Tác dụng:	

PHIẾU HỌC TẬP 03:

Phiếu học tập 03:

Những cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường là:

cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường	Tác dụng mà tác giả tạo ra khi sử dụng những từ ngữ có cách kết hợp không bình thường.
a.	
b.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hành tự sáng tạo các từ bằng cách phá vỡ những nguyên tắc ngôn ngữ thông thường để có các từ mới có dụng ý nghệ thuật.

b. Nội dung thực hiện: HS sưu tầm các dữ liệu mà trong đó các tác giả đã sáng tạo bằng cách phá vỡ những nguyên tắc ngôn ngữ thông thường.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Vận dụng, thực hành	
NV: Hướng dẫn học sinh làm bài 3	Bài 3: - Các từ có thể kết hợp với cụm từ <i>cái nắng</i> : <i>Dai</i>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Từng cặp học sinh thực hiện nhiệm vụ bài 3 - Một học sinh tìm từ mới - Một học sinh so sánh với từ của tác giả - Hai bạn trao đổi nhận xét vào phiếu học tập Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS làm phiếu bài tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi các cặp báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	<i>dửng, triền miên, gay gắt...</i> - Từ mới tạo được cái nắng dai dẳng, cái nắng triền miên, cái nắng gay gắt... => Cho dù từ <i>dai dẳng, triền miên</i> cũng gần nghĩa với từ <i>miệt mài</i> nhưng hai từ <i>dai dẳng</i> và <i>triền miên</i> không thể tạo ra từ mới có sự sáng tạo hơn từ <i>cái nắng miệt mài</i> , bởi lẽ <i>miệt mài</i> còn mang theo sắc thái nhân hóa, làm nổi bật lên cái <i>siêng năng, cần cù</i> của nắng miền Trung cũng như con người miền Trung
---	---

PHIẾU HỌC TẬP 04: Tìm từ gần nghĩa với từ *miệt mài* và kết hợp với từ *Cái nắng* để tạo thành từ có nghĩa, nhận xét về tác dụng của từ mới so với từ của tác giả.

Từ gốc	Từ mới	So sánh
<i>Cái nắng miệt mài</i>		

4. Củng cố:

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh hệ thống lại kiến thức đã học.

b. Nội dung thực hiện: HS hệ thống kiến thức ghi nhớ.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Củng cố	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh, lập bảng ghi nhớ Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Làm bài ở lớp/nhà Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV kiểm tra luôn hoặc vào tiết học tiếp theo Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung	Học sinh thực hiện tại lớp/ nhà

5. HDVN:

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh hệ thống lại kiến thức đã học, liên kết được với nội dung bài 2 ở kì 1

b. Nội dung thực hiện: HS hệ thống kiến thức ghi nhớ, làm bài tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Củng cố Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh, lập bảng ghi nhớ, làm bài tập 4 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Làm bài ở nhà Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV kiểm tra vào tiết học tiếp theo Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung	Học sinh thực hiện tại nhà

Tài liệu tham khảo

Hệ thống quy tắc	Sự mô tả	Các ví dụ
Âm vị học	Hệ thống âm thanh của một ngôn ngữ. Âm vị là đơn vị âm thanh nhỏ nhất trong một ngôn ngữ.	Từ “chat” có ba âm vị hoặc âm thanh: /ch/ / a / / t /. Một ví dụ về quy tắc âm vị học trong tiếng Anh là trong khi âm vị / r / có thể theo sau âm vị / t / hoặc / d / trong một cụm phụ âm tiếng Anh (chẳng hạn như track hoặc drab), thì âm vị / l / không thể theo sau các chữ cái này.
Hình thái học	Hệ thống các đơn vị có nghĩa tham gia vào cấu tạo từ.	Các đơn vị âm thanh nhỏ nhất có nghĩa được gọi là hình vị, hay đơn vị ý nghĩa. Từ girl (1 cô gái) là một hình vị, hoặc đơn vị có nghĩa; nó không thể bị chia nhỏ hơn nữa mà vẫn có ý nghĩa. Khi hậu tố s được thêm vào, từ trở thành girls và có hai hình vị từ vì s đã thay đổi nghĩa của từ, có nghĩa là nhiều hơn một cô gái.
Cú pháp	Hệ thống gồm cách các từ được kết hợp để tạo thành các cụm từ	Thứ tự từ rất quan trọng trong việc xác định nghĩa trong ngôn ngữ tiếng Anh. Ví dụ, câu “Sebastian push the bike” có nghĩa khác với câu “The bike push Sebastian”.

	và câu có thể chấp nhận được.	
Ngữ nghĩa	Hệ thống liên quan đến nghĩa của từ và câu.	Biết nghĩa của các từ riêng lẻ – tức là từ vựng. Ví dụ, ngữ nghĩa bao gồm biết nghĩa của những từ như cam, giao thông vận tải và thông minh.
Ngữ dụng học	Hệ thống cách sử dụng hội thoại phù hợp và kiến thức về cách sử dụng hiệu quả ngôn ngữ trong ngữ cảnh.	Ví dụ, sử dụng ngôn ngữ lịch sự trong các tình huống thích hợp, chẳng hạn như lịch sự khi nói chuyện với giáo viên của một người. Thay phiên nhau nói trong một cuộc trò chuyện cũng thuộc ngữ dụng học.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

PHẦN 3. VIẾT (02 tiết)

Tiết 74- VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nắm được các yêu cầu và cách thức viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội.
- HS biết cách trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề xã hội bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các bằng chứng xác thực, phù hợp, thuyết phục.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp; làm việc cặp đôi/nhóm);
- Năng lực tự chủ và tự học (chuẩn bị bài ở nhà, chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phân biện khoa học)

2.1. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

3. Về phẩm chất:

Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, ti vi/ máy chiếu

2. Học liệu:

- SGK, SGV, Tư liệu Ngữ văn 11

- Vở soạn, Bảng phụ (nếu có)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11a...				
11a...				
11a...				

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo cho học sinh tâm lý tiếp nhận chủ động, tích cực qua việc làm quen với một số văn bản về các vấn đề xã hội. Từ đó, có nhu cầu tìm hiểu và bày tỏ quan điểm cá nhân.

b. Nội dung: Học sinh nhận diện được nội dung qua một số văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên trình chiếu một số hình ảnh về hiện tượng xã hội nổi bật. Yêu cầu học sinh nhận diện và trình bày quan điểm cá nhân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. Giáo viên dẫn vào bài mới: Những hình ảnh phía trên cũng chỉ là một mảnh rất nhỏ của các hiện tượng xã hội. Trước những vấn đề như thế, bản thân chúng ta cần hiểu rõ các hiện tượng ấy, tìm hiểu kỹ càng để vừa thể hiện quan điểm cá nhân, vừa giúp mọi người nhận ra tính đúng đắn của các hiện tượng. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta nhận ra cách thức giải quyết các hiện tượng trên một cách đúng đắn, hợp lý và tích cực.	Hs lắng nghe và trả lời ý kiến

2.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được yêu cầu cơ bản khi triển khai các hiện tượng xã hội. Từ đó, giúp HS có kỹ năng xử lý các kiểu bài khác nhau.

2.2. Nội dung

- Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu bài thuyết minh về một hiện tượng xã hội

2.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

2.4. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<u>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài</u> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. - GV chốt vấn đề <u>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu và phân tích ngữ liệu</u> a. Mục tiêu: - HS có thể nhận diện được các bước triển khai văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội. - Phát hiện ý, xử lý tốt hệ thống câu hỏi trong ngữ liệu. b. Nội dung - Xác định được nội dung vấn đề, các luận điểm cơ bản và cách triển khai thuyết phục. c. Sản phẩm - Kết quả làm việc cá nhân của hs d. Tổ chức thực hiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. - Cho HS đọc ngữ liệu. Gọi các đại diện nhóm trình bày. - Nhóm 1: Anh/ chị hãy nhận xét cách đặt nhan đề của bài viết?	I. Yêu cầu của kiểu bài: - Giới thiệu được vấn đề xã hội cần thuyết minh - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về hiện tượng xã hội cần thuyết minh - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ. - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận. II. Tìm hiểu và phân tích ngữ liệu: - Ngữ liệu: “Hiện tượng miệt thị ngoại hình” - Nhan đề: ngắn gọn, bao quát nội dung, thu hút sự chú ý của người đọc. - Vấn đề được người viết triển khai bằng những luận điểm: + Nêu rõ về khái niệm “miệt thị ngoại hình”. + Quan điểm của tác giả về hiện tượng “miệt thị ngoại hình” với nguyên nhân cụ thể + Nêu bật tác hại của hiện tượng ấy. + Đề xuất giải pháp xóa bỏ hiện tượng miệt thị ngoại hình + Rút ra ý nghĩa của hiện tượng trên - Yếu tố để làm nên sức thuyết phục của văn bản: + Luận điểm rõ ràng, lí lẽ dẫn chứng thuyết phục. + Tư tưởng quan điểm trong bài văn hướng tới giải quyết vấn đề mà đề bài đưa ra.

- Nhóm 2+3: Vấn đề đã được người viết triển khai bằng những luận điểm nào? - Nhóm 4: Chỉ ra các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: Yêu cầu đại diện nhóm phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc nhóm, viết ra giấy nháp, đại diện nhóm phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - HS đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. Giáo viên chốt vấn đề Nhiệm vụ 3: Thực hành viết a. Mục tiêu: - Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành. - Rèn kỹ năng viết. b. Nội dung - Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. c. Sản phẩm - Kết quả làm việc cá nhân của học sinh. d. Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát SGK, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân - Giáo viên: Yêu cầu cá nhân phát biểu.	+ Sử dụng kết hợp các yếu tố nghị luận, biểu cảm để tăng sức biểu đạt cho bài văn. III. Thực hành viết 1. Đề bài 1: <i>Viết bài văn thuyết minh về hiện tượng tôn thờ thần tượng một cách thái quá.</i> 2. Phương pháp: – Triển khai luận điểm nêu suy nghĩ của bản thân về vấn đề được thuyết minh. – Lưu ý việc đưa ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cần mạch lạc, khoa học. – Khái quát, tổng kết lại vấn đề. 3. Dàn ý chi tiết a. Mở bài: giới thiệu ngắn gọn về vấn đề hiện tượng: tôn thờ thần tượng một cách thái quá. <i>Vd: Thời đại nào cũng có những cá nhân nổi bật được nhiều người ngưỡng mộ. Tuy nhiên, xã hội càng hiện đại, việc gần gũi, tiếp cận thông tin với người nổi tiếng càng dễ dàng nhưng hệ lụy của nó lại càng thấy rõ. Người ta học theo, làm theo, tin theo, sống theo,... người mà họ thần tượng quá mức khiến việc yêu thích thần tượng trở nên sai lệch. Hiện tượng ấy gọi là tôn thờ thần tượng thái quá.</i> b. Thân bài - Giải thích hiện tượng tôn thờ thần tượng thái quá:
---	--

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc cá nhân, viết ra giấy nháp, phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).
- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

Giáo viên chốt vấn đề

Vd: Hội chứng tôn thờ thần tượng là một sự đam mê thái quá đối với những nhân vật giàu có và nổi tiếng. Điều này có thể gây nên chứng nghiện nguy hiểm đối với một số người. Các nhà tâm lý học tại Đại học DeVry ở Florida và Đại học Illinois (Mỹ) đã phỏng vấn hơn 600 người về thần tượng của họ. Những người tham gia cũng được hỏi họ có đồng tình hay không với các câu nói như: "Tôi bị ám ảnh bởi mọi chi tiết trong cuộc sống hàng ngày của người mình tôn thờ", "Tôi coi thần tượng của mình là bạn tri kỷ" và "Nếu người ấy yêu cầu tôi làm điều gì phạm pháp, tôi cũng sẵn lòng".

- Triển khai vấn đề thuyết minh về hiện tượng tôn thờ thần tượng thái quá, nêu rõ tác hại của hiện tượng trên:

Vd: Những câu trả lời đã làm thay đổi quan niệm truyền thống cho rằng việc sùng bái thần tượng chỉ là một thú vui vô hại. Thay vào đó, kết quả tìm kiếm cho thấy những kẻ tôn sùng dường như bị mê muội một cách thái quá đối với thần tượng của mình. Ngoài ra, những fan cuồng nhiệt này còn có nguy cơ mắc các triệu chứng như lo lắng, trầm cảm và gặp khó khăn trong giao tiếp với cộng đồng, hơn là những người không tôn thờ ai.

Theo các nhà nghiên cứu, có 3 giai đoạn trong sở thích thần tượng hoá một ngôi sao. Giai đoạn thứ nhất, xảy ra ở 20% số người được khảo sát, bao gồm theo dõi sát sao mọi thông tin về thần tượng qua các phương tiện truyền thông, với mục đích giải trí và mở rộng quan hệ. Những người này trở nên hướng ngoại: cởi mở, năng động và ưa mạo hiểm.

Giai đoạn tiếp theo, ảnh hưởng tới khoảng 10% người tham gia, là khi kẻ ái mộ phát triển một thái độ riêng tư với thần tượng của mình, chẳng hạn như tin rằng mình có một sợi dây liên kết đặc biệt với ngôi sao. Tại thời điểm này thì tôn thờ thần tượng đã trở thành một chứng nghiện. Những người thuộc nhóm này thường căng thẳng, dễ bị kích động và hay buồn rầu, ủ rũ.

	<i>Giai đoạn cao trào nhất là khi việc tôn thờ thần tượng gần như mang tính bệnh hoạn, tình huống gặp ở 1% đối tượng phỏng vấn. Khi đó, những kẻ cuồng si sẵn sàng làm tổn thương chính mình hoặc người khác nhân danh thần tượng của mình. Họ bị mắc các triệu chứng của rối loạn tâm thần như bốc đồng, phản kháng cộng đồng và vị kỷ.</i> <i>"Việc tôn thờ một thần tượng không khiến bạn mất đi các chức năng giao tiếp xã hội, nhưng nó đủ đặt bạn vào nguy cơ trở nên như vậy. Và khi nó đã xảy ra thì khó có cách nào ngăn cản được", nhà tâm lý học James Houran cảnh báo.</i> c. Kết bài: khẳng định lại suy nghĩ của bản thân về hiện tượng tôn thờ thần tượng thái quá. <i>Vd: Tôn thờ thần tượng là không sai, tuy nhiên, phải học cách tôn thờ đúng đắn. Bởi vậy, ngay từ bây giờ, hãy trang bị cho bản thân một quan niệm sống đúng đắn, tích cực, tốt đẹp, biết yêu đúng nghĩa và biết sống đúng đạo lý, có bản lĩnh.</i> 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện - Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để tìm các lỗi cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện bài viết. Có thể tự rà soát bài viết theo một số tiêu chí sau: - Hiện tượng xã hội cần bàn luận đã được triển khai thành các luận điểm rõ ràng. - Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng đã được sắp xếp hợp lý và sử dụng một cách hiệu quả. - Nội dung thể hiện được quan điểm cá nhân về vấn đề cần bàn luận. - Văn phong phù hợp với mục đích và đối tượng cần thuyết phục. - Vị thế phát ngôn và giọng điệu được xác lập, lựa chọn phù hợp với mục đích viết và đối tượng thuyết phục.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

3.1. Mục tiêu: làm bài tập củng cố kiến thức

3.2. Nội dung:

- Hs nhắc lại các bước để viết bài văn bàn luận về hiện tượng xã hội?
- Triển khai lập dàn ý với đề tài hiện tượng xã hội đáng quan tâm về “bảo vệ môi trường sống”

3.3. Sản phẩm: Hs hoàn thành các bài tập

3.4. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
-----------------	------------------

Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ Viết văn bản nghị luận về vấn đề sau: <i>Bảo vệ môi trường sống cho con người.</i> - Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo - Đại diện HS lên bảng chữa bài. - Các học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh GV nhận xét, hướng dẫn và chốt kiến thức	Hướng dẫn 1. Phương pháp: – Triển khai luận điểm nêu suy nghĩ của bản thân về vấn đề nghị luận. – Lưu ý việc đưa ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cần mạch lạc, khoa học. – Khái quát, tổng kết lại vấn đề. 2. Tìm ý: - Hiện tượng là gì? Vì sao lựa chọn hiện tượng ấy? Nó có ý nghĩa thế nào với cá nhân và cộng đồng? → Vấn đề môi trường sống (rừng, không khí, nước,...) vẫn luôn là một vấn đề nghiêm trọng, bởi thái độ đối với môi trường sẽ quyết định hành động của con người cũng như sự sống của con người. - Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề này? Có những lí lẽ, bằng chứng nào để chứng minh quan điểm và thuyết phục người khác đồng tình với mình? → Tôi thấy hiện nay vấn đề môi trường nguy cấp. Bản thân mỗi cá nhân cần có thái độ, hành động cụ thể để chung tay bảo vệ môi trường sống – “lá phổi Trái đất” cần xanh, sạch, an toàn hơn.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

4.1. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng. 4.2. Nội dung: Hs sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập về nhà? Viết bài văn nghị luận bàn về “Bảo vệ môi trường sống” dựa trên dàn ý đã triển khai trên lớp. 4.3. Sản phẩm: HS làm bài tập về nhà – viết bài văn. 4.4. Tổ chức thực hiện: Làm bài tập vận dụng
--

Tiết 75 - TRẢ BÀI VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hs biết vận dụng kiến thức đã học để thực hiện viết bài thuyết minh về hiện tượng xã hội
- Gv thấy rõ những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của HS.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp)
- Năng lực tự chủ và tự học (chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phản biện khoa học);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

2.2. Năng lực đặc thù:

Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);

3. Về phẩm chất:

Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: ti vi/ máy chiếu
- Học liệu: SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, Thiết kế bài học (một số tài liệu đọc trên internet).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra:

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN XÉT CHUNG

1.1. Mục tiêu:

- Nhận xét các ưu, khuyết điểm trong bài viết của HS.
- Rút kinh nghiệm, bổ sung, định hướng cách viết

1.2. Nội dung:

Học sinh thấy được ưu, khuyết điểm trong bài viết của mình.

1.3. Sản phẩm:

Kết quả bài viết của học sinh.

1.4. Tổ chức thực hiện:

I. Nhận xét chung:

- Đa số là mắc các lỗi chủ yếu sau: chính tả, dùng từ sai, viết câu sai, bài giống nhau trừ điểm, một số bài thì cảm xúc không thực, bỏ trống một hàng...
- Lỗi lập luận, diễn đạt, luận điểm chưa thuyết phục.
- Chữ viết, trình bày còn cẩu thả, thiếu logic...

HOẠT ĐỘNG 2: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU BÀI VIẾT

2.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được yêu cầu cơ bản khi triển khai vấn đề xã hội khác nhau
- Từ đó, giúp HS có kĩ năng xử lí các kiểu bài khác nhau.

2.2. Nội dung

Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu bài thuyết minh về một hiện tượng xã hội

2.3. Sản phẩm

Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

2.4. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát đề, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ	II. <u>Xác định yêu cầu:</u> - Bài viết cần nêu lên những suy nghĩ về: <i>Bảo vệ môi trường sống.</i> - Vấn đề là gì? Vì sao lựa chọn vấn đề đó? Vấn đề đó có ý nghĩa thế nào với cá nhân và cộng đồng? → Vấn đề thái độ thờ ơ của con người đối với môi trường vẫn luôn là một vấn đề đáng suy ngẫm, bởi thái độ đối với môi trường sẽ quyết định hành động của con người cũng như sự sống của con người. - Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề này? Có những lí lẽ, bằng chứng nào để chứng minh quan điểm và thuyết phục người khác đồng tình với mình? → Tôi thấy hiện nay vẫn có những người vẫn thờ ơ, có kẻ tiếp tay tàn phá khiến tình trạng môi trường trở nên nguy cấp. Đây là một thái độ không đúng, để lại nhiều hậu quả, cần phải thay đổi. - Đề xuất giải pháp:

làm việc, kĩ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.	+ có những chính sách bảo vệ tài nguyên rừng + Có chính sách trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng nguyên sinh và hỗ trợ những người sống dưới tán rừng + Bảo vệ diện tích mặt nước, đặc biệt bảo vệ nguồn nước ngầm + Xử lý chất thải khoa học + tuyên truyền bảo vệ môi trường sống.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: GỢI Ý LÀM BÀI

3.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được những luận điểm, những ý chính khi triển khai hiện tượng xã hội.

3.2. Nội dung

- Xác định được các luận điểm cơ bản của kiểu bài thuyết minh về một hiện tượng xã hội

3.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

3.4. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát đề, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Làm việc cá nhân. - Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu. Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định - Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kĩ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề: thái độ, hành động của con người đối với việc bảo vệ môi trường sống(chung), hoặc lựa chọn 1 vấn đề môi trường riêng - Thân bài: + Giải thích vấn đề. + Trình bày thực trạng môi trường hiện nay. + Trình bày thái độ, hành động của con người đối với việc bảo vệ môi trường sống, nêu các giải pháp cụ thể + Trình bày quan điểm và nhận thức của bản thân. - Kết bài: + Khẳng định ý nghĩa của vấn đề. + Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong việc giải quyết vấn đề.

HOẠT ĐỘNG 4: NHẬN XÉT ƯU – KHUYẾT ĐIỂM VÀ TRẢ BÀI

4.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được những ưu điểm, khuyết điểm trong bài viết tuyệt mình của mình.

4.2. Nội dung

- Xác định được các ưu điểm, khuyết điểm của bản thân để kịp thời điều chỉnh.

4.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

4.4. Tổ chức thực hiện:

III. Nhận xét ưu – khuyết điểm:

1. Sửa lỗi

- Chính tả:

- Dùng từ không phù hợp:

- “ ”

- Câu sai:

2. Đọc và tuyên dương đoạn, bài hay, có cảm xúc

- Mở bài hay, ngắn gọn (.....).

- Mở bài và kết bài thật mộc mạc, đơn sơ như cảm xúc thật (.....).

⇒ Bài hay:

3. Rút kinh nghiệm

- Cần lập dàn ý trước khi làm bài.

- Việc tạo hiệu quả cảm xúc cần những tình cảm, thái độ chân thực. Số liệu cần tương đối xác thực/ lấy từ thực trạng địa phương/ nguồn thông tin chính thức trên các phương tiện chính thống

- Chú ý các vấn đề ngữ pháp khi viết câu, đoạn....

4. Trả bài

IV. Luyện tập

Từ nhận xét kết hợp với phần chấm chữa của GV, yêu cầu HS viết lại bài hoàn chỉnh (Thực hiện tại nhà)

4. củng cố:

- Nắm vững yêu cầu kiểu bài thuyết minh về hiện tượng xã hội với 4 bước cơ bản: nêu khái niệm, giải thích bản chất hiện tượng, phân tích thực trạng, rút ra bài học/ ý nghĩa.

- Thực hành vận dụng với các dàn ý đã có theo các ý đã được chỉnh sửa

5. Dặn dò

- Học bài cũ, linh hoạt vận dụng các yêu cầu thuyết minh, nghị luận tương tự

- Chuẩn bị bài mới NÓI VÀ NGHE “Thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống” theo yêu cầu của SGK hoặc theo đề xuất của lớp. Thực hiện trao đổi, tranh luận để làm rõ quan điểm cá nhân nhưng phải đúng đắn và tôn trọng ý kiến người khác.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG THUẬT TRONG KÍ

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 76: THẢO LUẬN, TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (Thời gian thực hiện: 01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Xác định được vấn đề trong đời sống đáng quan tâm, cần thảo luận, tranh luận
- Huy động được hệ thống ý để xây dựng nội dung tham gia thảo luận, tranh luận
- Nắm rõ tuần tự các bước của cuộc thảo luận, tranh luận.

2. Về năng lực

- Chọn vấn đề thảo luận: Trách nhiệm của công dân.
- Chủ động và tích cực hoạt động nhóm để chuẩn bị tốt cho cuộc thảo luận, tranh luận.
- Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia thảo luận về vấn đề
- Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.

3. Về phẩm chất

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cá nhân đối với cộng đồng và quốc gia, xây dựng lối sống có ích cho xã hội.

Có tinh thần, thái độ tích cực khi tham gia thảo luận như:

- Tôn trọng người đối thoại

- Có tinh thần cầu thị, lắng nghe
- Biết chấp nhận những ý kiến, quan điểm hợp lí, xác đáng của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, Ngữ liệu văn bản, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá kĩ năng nghe, bảng kiểm đánh giá kĩ năng nói, phiếu đánh giá, video, ứng dụng Google Form, Padlet,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có tâm thế hứng thú tham gia bài học.
- HS có năng lực cảm thụ thẩm mỹ, sử dụng ngôn ngữ

b. **Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi gợi mở và trình chiếu video

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem video https://youtu.be/1CyMFL9Qjfq (Chơi game có gì sai) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS xem video, theo dõi và bắt đầu học hỏi cách đưa ra những ý kiến khi nói về những vấn đề đời sống. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	HS có những hình dung ban đầu về cách thảo luận/ đưa ra ý kiến về những vấn đề đời sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nắm được cách tham gia cuộc thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau.
- HS có năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề
- HS có thái độ tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập

b. **Nội dung:** HS đọc yêu cầu trong SGK, ghi chú những điều quan trọng

c. **Sản phẩm:** Ghi chú của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: đọc phần yêu cầu trong SGK, tóm tắt các thông tin quan trọng nhất, yêu cầu một vài HS phát biểu điều em cảm thấy cần lưu ý nhất đối với người nói – người nghe. B2. Thực hiện nhiệm vụ	I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI 1. Yêu cầu của kiểu bài - Xác định được vấn đề cần thảo luận, tranh luận. - Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia thảo luận, tranh luận về vấn đề. - Biết thảo luận, tranh luận với các ý kiến,

- Đọc, gạch chân những yêu cầu chính trong SGK. - Ghi chép lại những định hướng chung mà GV kết luận. B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động, nhận xét, chốt ý	quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình. - Tôn trọng người đối thoại, có tinh thần cầu thị, lắng nghe; biết chấp nhận những ý kiến, quan điểm hợp lí, xác đáng. 2. Quy trình - Bước 1: Chuẩn bị thảo luận, tranh luận - Bước 2: Thảo luận, tranh luận - Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

- HS chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.
- HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

b. Nội dung: Yêu cầu học sinh thực hành để rèn luyện kỹ năng nói và nghe quy trình 3 bước: Chuẩn bị thảo luận – Thảo luận – Đánh giá, rút kinh nghiệm.

c. Sản phẩm: Phần tranh biện của HS, đánh giá theo nhóm và theo cá nhân của HS (Phụ lục 2,3)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
BƯỚC 1: CHUẨN BỊ THẢO LUẬN	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 2 nhóm để chuẩn bị ý kiến của bản thân về vấn đề được gợi ý trong SGK/tr.57: - Nhóm 1 – vấn đề 1: Với học sinh THPT, giữa tích lũy kiến thức và rèn luyện kỹ năng sống, điều gì là quan trọng hơn? - Nhóm 2 – vấn đề 2: Sở thích của bản thân và yêu cầu của cha mẹ, đâu là yếu tố quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai của mỗi học sinh? B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thành PHT số 1 theo link Google From GV gửi trước 1 ngày diễn ra tiết học. B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày PHT và phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ ở nhà. B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động. - GV đánh giá qua PHT và phần phản hồi của HS	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE Bước 1: Chuẩn bị thảo luận - Xác định đề tài - Xác mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói, tìm ý, lập dàn ý... <i>Phiếu học tập số 1</i> Họ và tên:..... Lớp..... Vấn đề 1 (Nhóm 1): Với học sinh THPT, giữa tích lũy kiến thức và rèn luyện kỹ năng sống, điều gì là quan trọng hơn? Ý kiến 1: Tích lũy kiến thức quan trọng hơn Ý kiến 2: Rèn luyện kỹ năng sống quan trọng hơn Đối tượng người nghe:..... Với đối tượng này, tôi cần có cách nói/trình bày: Quan điểm của tôi lựa chọn: Lí do:..... Mình chứng:..... Dàn ý phần trình bày:..... Trọng tâm của phần trình bày:.....

	Những câu hỏi dự kiến để tương tác:... Vấn đề 2 (Nhóm 2): Sở thích của bản thân và yêu cầu của cha mẹ, đâu là yếu tố quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai của mỗi học sinh? Ý kiến 1: Sở thích của bản thân quan trọng hơn Ý kiến 2: Yêu cầu của cha mẹ quan trọng hơn Đối tượng người nghe:..... Với đối tượng này, tôi cần có cách nói/trình bày Quan điểm của tôi lựa chọn..... Lí do:..... Minh chứng:..... Dàn ý phần trình bày: Trọng tâm của phần trình bày: Những câu hỏi dự kiến để tương tác:...
BƯỚC 2: THẢO LUẬN	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Căn cứ vào khảo sát kết quả PHT số 1, GV chia lớp thành 2 nhóm A (gồm 2 nhóm nhỏ là A1 và A2) – nhóm B (Gồm 2 nhóm nhỏ là B1 và B2), tổ chức cuộc thi: TRANH BIỆN, chọn 2 HS làm người chủ trì dẫn dắt 2 phiên. - GV phổ biến luật chơi: Sẽ gồm 2 phiên đấu: Phiên 1 (Vấn đề 1): Cặp đấu A1 và B1 (A2 và B2 lắng nghe, đánh giá) Ý kiến 1: Tích lũy kiến thức quan trọng hơn Ý kiến 2: Rèn luyện kỹ năng sống quan trọng hơn Phiên 2 (Vấn đề 2): Cặp đấu A2 và B2 (A1 và B1 lắng nghe, đánh giá) Ý kiến 1: Sở thích của bản thân quan trọng hơn Ý kiến 2: Yêu cầu của cha mẹ quan trọng hơn <i>Các cặp đấu sẽ thay phiên nhau đưa ra những quan điểm của mình về vấn đề được giao. Mỗi lượt không quá 40 giây. Trong lượt trình bày của mình, nhóm có thể đưa ra luận điểm hoặc đặt câu hỏi cho nhóm kia.</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để đưa ra các luận điểm cơ bản trong vòng 5 phút. Sau khi thời gian thảo luận kết thúc, HS bắt đầu tham gia trò chơi theo sự điều phối của người chủ trì.	Bước 2: Thảo luận - Người nói: + Nêu sự hưởng ứng đối với đề tài của cuộc thảo luận + Tóm tắt và đánh giá các ý kiến đã có về vấn đề; nêu cách nhìn nhận riêng của mình và làm rõ căn cứ của cách nhìn nhận đó + Tóm tắt lại ý kiến của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận. - Người nghe: + Nghe trên tinh thần sẵn sàng đưa ra ý kiến hồi đáp của mình + Ghi vắn tắt những điểm cần tranh luận với người nói

B2. Thực hiện nhiệm vụ - Thảo luận nhóm, nêu ra một số ý kiến cá nhân (đã chuẩn bị ở nhà) để nhóm góp ý. - Lắng nghe phần phản hồi của các thành viên để rút kinh nghiệm cho bản thân. - Tiến hành trình bày và lắng nghe phần trình bày của các HS khác. B3. Báo cáo thảo luận - Phần tranh luận, thảo luận của HS B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động. - GV đánh giá phần trình bày của HS.	
BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nội dung đánh giá sẽ có 2 phần: + Đánh giá nhóm trình bày (PHT số 2) – Mỗi nhóm 2 phiếu (A1,B1 đánh giá A2,B2 và ngược lại) + Đánh giá cá nhân trình bày (PHT số 3) – Mỗi HS 1 phiếu - GV yêu cầu đại diện các nhóm tiến hành trao đổi phần đánh giá của nhóm mình trước lớp; Bình chọn nhóm xuất sắc nhất và cá nhân xuất sắc nhất. - Từ đó GV rút ra kinh nghiệm chung khi thảo luận về vấn đề văn học có ý kiến khác nhau. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Điền vào phiếu đánh giá nhóm và phiếu đánh giá cá nhân. - Trao đổi phần đánh giá của nhóm mình trước lớp để cùng nhau rút kinh nghiệm. - Chia sẻ với GV những thắc mắc/ý kiến của bản thân về bài học. B3. Báo cáo thảo luận - Phần đánh giá chéo theo nhóm của HS - Phần đánh giá cá nhân B4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV quan sát quá trình HS tham gia hoạt động. - GV đánh giá phần trình bày của HS - Học sinh đánh giá theo nhóm và theo cá nhân	Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm • Lắng nghe với thái độ cầu thị và ghi chép tóm lược ý kiến, những vấn đề cần trao đổi thêm. • Dành thời gian phù hợp để trao đổi những nội dung cần thiết. Phiếu học tập số 2 BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI Người đánh giá:..... Nhóm trình bày:..... (Xem bảng kiểm SGK tr.59) Phiếu học tập số 3 BẢNG NHẬN XÉT CÁ NHÂN Họ và tên:..... Lớp:..... Người nói tôi tâm đắc:..... Nội dung tôi tâm đắc:..... Điều tôi học hỏi được:.....

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- HS trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.
- Tạo được sự đồng thuận tích cực giữa bản thân với những người tham gia thảo luận.

b. Nội dung: Giao nhiệm vụ về nhà, yêu cầu HS viết bài văn vận dụng

c. Sản phẩm: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt vấn đề: Đối với học sinh thời đại khoa học công nghệ hiện nay, việc học các môn khoa học tự nhiên quan trọng hơn các môn khoa học xã hội.

Em có đồng tình với ý kiến này hay không? Vì sao? (Lí giải bằng một đoạn văn từ 5 đến 7 câu)

- Hình thức nộp: HS nộp bài trên trang Padlet của lớp (Trang này do GV xây dựng).

- Thời gian thực hiện: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày giao nhiệm vụ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Ghi chép lại nhiệm vụ.

- Phản hồi với GV những thắc mắc, ý kiến về nhiệm vụ được giao.

B3. Báo cáo thảo luận

- Câu trả lời của HS

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm học tập của HS (Đoạn văn)

4. củng cố:

5. HDVN: Hoàn thành bài tập về nhà trên Padlet.

Ngày soạn: Ngày dạy: Lớp dạy:

BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TƯỢNG TRONG KÍ **HS tự đọc - VĂN BẢN 4: THỰC HÀNH ĐỌC: CÂY DIÊM CUỐI CÙNG** (Trích: Chuyện trò - Cao Huy Thuần) (Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại tản văn.
- HS xác định và chỉ ra các sự kiện chính trong văn bản và bối cảnh diễn ra các sự kiện đó.
- HS phân tích được hình tượng hai người lính trong tác phẩm.
- HS phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn.

2. Về năng lực:

- HS hiểu được hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường, vận dụng vào việc tìm hiểu ngôn ngữ trong các tác phẩm tản văn.

3. Về phẩm chất:

- Biết trân trọng cái đẹp, thấu hiểu và cảm thông với con người với những cảnh ngộ khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho HS xem một số hình ảnh về người lính, chiến tranh và dãy Himalaya, đặt câu hỏi cho HS

- HS chia sẻ những hiểu biết và câu trả lời của bản thân

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chiếu hình ảnh Thu thập thông tin HS đã biết về chiến tranh, người lính và dãy Himalaya B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS theo dõi và trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ hiểu biết của mình B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học	Gợi ý một số thông tin có thể chia sẻ cho HS Dãy Himalaya: + Là dãy núi cao nhất thế giới, có đỉnh Everest cao 8.848m. + Hy Mã Lạp Sơn có nghĩa là nơi ở của tuyết, khí hậu ở đây vô cùng khắc nghiệt

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc văn bản và thông tin trong SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm và đoạn trích. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe yêu cầu của GV, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: - Cao Huy Thuần sinh năm 1964 tại Thừa Thiên Huế. - Là giáo sư về ngành chính trị học tại đại học Picardie. Pháp. - Ông là tác giả của nhiều tác phẩm nghiên cứu về chính trị và tôn giáo. Riêng về tản văn, ông có các cuốn tiêu biểu: Năng và hoa (2008), Thấy Phật (2028), Khi tựa gối khi cúi đầu (2011), Chuyện trò (2011), Nhật kí sen trắng (2014),... 2. Văn bản - Xuất xứ: Cây diêm cuối cùng là tác phẩm lấy trong tập Chuyện trò sáng tác năm 2012 - Thể loại: Tản văn - Bố cục: 3 phần + Phần 1: Nhân vật tôi lạc đồng đội và tìm thấy một ngôi chùa đến nghỉ ngơi. + Phần 2: Cuộc gặp gỡ giữa 2 người lính đối địch nhau và câu chuyện về cây diêm. + Phần 3: Những suy tư của tác giả.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Đọc mở rộng về văn bản tản văn

b. Nội dung: : Đọc văn bản Cây diêm cuối cùng (SGK tr60-63) và xác định các yêu cầu SGK.

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ HS liệt kê các sự việc chính trong tác phẩm. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản Nhiệm vụ 2: B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm những yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản Nhiệm vụ 3: B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm những hình ảnh lạ lùng có mà sắc hù cấu trong câu chuyện và cách thể hiện cảm xúc suy tư của tác giả trong văn bản. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	II. Khám phá văn bản 1. Tác phẩm Cây diêm cuối cùng kể về câu chuyện chiến tranh trên đỉnh núi cao Hy Mã Lạp Sơn của nhân vật “tôi”, cuộc chiến cứ diễn ra dai dẳng cho đến khi hai bên kiệt sức, nhân vật “tôi” lần mò đi theo vách núi và thiếp đi cho đến khi tỉnh lại vừa đói và mệt thì nhìn thấy một ngôi chùa không một bóng người, thấy một bóng người đang ngồi, sau đó chĩa súng vào nhân vật “tôi”. Sau đó, nhìn bộ quân phục và biết hai người là kẻ thù, lúc đó nhân vật tôi vo cùng sợ hãi, cả hai bị cơn bão tuyết thổi tóc vào ngôi nhà này. Sau đó là những lần quẹt diêm để nhóm lửa, người kia quăng cho nhân vật tôi một mẩu giấy, súng vẫn chĩa về phía nhân vật “tôi”, quẹt nhiều lần đến cây diêm cuối cùng thì ngọn lửa cháy, chúng tôi vẫn còn sống. Từ đó, trong suy nghĩ của nhân vật “tôi” hiện lên nhiều câu hỏi, nhất là cây diêm cuối cùng và ngọn lửa thấp sáng từ người mà anh coi là kẻ thù. 2. Tản văn tự sự vẫn lấy sự kiện, nhân vật, cảnh vật làm nội dung biểu đạt chủ yếu, lấy sự trần thuật miêu tả làm phương thức biểu đạt chủ yếu. Nó chú trọng kể việc, ghi người, tả cảnh nhưng cũng không giống như kể việc ghi người tả cảnh trong tiểu thuyết. Kể chuyện trong tản văn chỉ là trần thuật một... 3. Nội dung chính của văn bản là: Các tư thế của những người đọc sách. Tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ như: - Điệp từ (đọc, người đọc) - Liệt kê + Một là người đọc... + Hai là, người đọc... + Ba là, người đọc... → Tác dụng: Nhấn mạnh vào các tư thế đọc văn và qua đó, làm cho đoạn văn trở nên logic và chặt chẽ, sinh động hơn.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Tổng kết lại nội dung bài học.

b. Nội dung: Tổng kết về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung và nghệ thuật của văn bản. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu SGK và đưa ra câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận - HS đưa ra câu trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	III. Tổng kết 1. Nội dung Cây diêm cuối cùng khắc họa hình ảnh nhân vật “tôi” trong cuộc chiến đấu ở đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn, câu chuyện cảm động cây diêm cuối cùng giữa hai nhân vật kẻ thù sau đó và những suy nghĩ về tình cảm con người trong cuộc sống. 2. Nghệ thuật - Kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình độc đáo - Tính chất lạ lùng, có màu sắc hư cấu thể hiện tư tưởng và suy tư của tác giả

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

HS viết được một đoạn cảm nhận về chi tiết, nhân vật trong đoạn trích Cây diêm cuối cùng.

b. Nội dung: HS thực hành viết luyện tập theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện bài làm viết kết nối đọc B3. Báo cáo thảo luận HS trình bày phần bài làm của mình B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Cao Huy Thuần sinh ra và lớn lên ở Thừa Thiên Huế, một mảnh đất giàu truyền thống văn hoá. Ông là tác giả của nhiều nghiên cứu về chính trị học và tôn giáo. Nói riêng về tản văn ông có rất nhiều các sáng tác tiêu biểu như Nắng và hoa, Thầy Phật, Khi tựa gối khi cúi đầu và Cây diêm cuối cùng là một tác phẩm khá tiêu biểu cho phong cách sáng tác của ông. Tản văn khai thác về một đề tài mang tính lịch sử, cốt truyện đơn giản nhưng tản mạn theo đúng tính chất của một tản văn. Đại ý là nói về một người lính trong trận chiến đấu trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn không may bị bão tuyết thổi khiến anh ấy bị lạc mất đồng đội. Thật bất ngờ sau khi vật lộn với bão tuyết nhân vật tôi tỉnh dậy ở trên đỉnh một ngọn núi, dưới chân chùa. Trong cơn mê mẩn và mê man, tôi loáng thoáng thấy có bóng người đàn ông đang cầm trên tay khẩu súng và chĩa về phía tôi, hoá ra đó là kẻ địch, hắn cũng bị bão tuyết đưa đến đây giống như tôi. Hai nhân vật đã có cuộc đấu trí và cuối cùng kẻ địch đã hy sinh để châm que diêm cuối cùng cho tôi. Với nội dung độc đáo như vậy truyện Cây diêm cuối cùng đã gợi ra những vấn đề ý nghĩa của cuộc sống. Đó là chiến tranh, là cách đối xử của người với người giữa hai bên chiến tuyến, về cách chiến đấu khi đương đầu với cái chết, về thái độ của con người trước hoàn cảnh ngặt nghèo... Dù không khắc họa chi tiết những hậu quả nặng nề của chiến tranh nhưng tác

	phẩm cũng góp một tiếng nói tố cáo tội ác của chiến tranh, đặt ra trách nhiệm của nhân loại trong cuộc chiến chống lại chiến tranh phi nghĩa. Khai thác từ một đề tài tưởng là cũ nhưng cách triển khai rất mới. Đặc biệt là chuyện về lịch sử, chiến tranh (dù không quá đậm nét) nhưng cách kể chuyện, truyền tải thông điệp thông qua thể loại tản văn lại rất độc đáo. Chất trữ tình và chất tự sự kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn khiến cho câu chuyện mạch lạc và có chiều sâu. Các yếu tố tưởng tượng, hư cấu có nhưng không được phóng đại quá mức nên hoàn toàn có thể chấp nhận được. Chúng ta đều biết tản văn là thể loại thiên về trữ tình, mạch kể tự sự chỉ là cái cớ để bộc lộ tình cảm, đánh giá của người kể chuyện. Ở đây tác phẩm cũng kể chuyện khá cụ thể về hoàn cảnh của nhân vật tôi song chất trữ tình vẫn rất đậm nét, đặc biệt là những chi tiết miêu tả thiên nhiên, quang cảnh xung quanh ngôi chùa nhân vật tôi lạc vào đều khá chi tiết, ấn tượng. Linh hồn của tản văn này là nhân vật tôi – người lính trong cuộc chiến. Nhân vật đã được khắc họa đậm nét thông qua một vài chi tiết miêu tả hành động, suy nghĩ, đặc biệt là thế giới nội tâm. Khi bị bão tuyết cuốn đi nhân vật tôi cảm thấy vô cùng mệt mỏi nhưng vẫn gắng gượng để có thể giành giật sự sống, cảm giác hoang mang tột độ khi nhìn thấy kẻ thù đang cầm súng chĩa về phía mình; hành động run rẩy khi quẹt que diêm để sưởi ấm trong bão tuyết... Một loạt những hành động nối tiếp của nhân vật tôi giúp người đọc cảm nhận rõ nét về nhân vật này. Đó là một người lính có đời sống nội tâm phong phú, từng trải, biết yêu ghét rõ ràng, biết đối nhân xử thế. Dù không tránh khỏi những lúc hoảng hốt, sợ sệt vì phải đối diện với kẻ thù song vẫn bình tĩnh xử lý tình huống để thoát chết trong gang tấc. Đặc biệt chi tiết miêu tả ở cuối truyện nhân vật tôi trở lại ngôi chùa, tưởng nhớ “người đồng đội bất đắc dĩ” của mình, cho thấy tôi còn là người lính có trái tim ấm áp, nhân hậu, tử tế. Cây diêm cuối cùng là một tản văn xuất sắc của nhà văn, qua tác phẩm người đọc hiểu thêm về con người và nhân cách của nhà văn Cao Huy Thuần. Tác phẩm cũng đã góp thêm một cách nhìn mới mẻ, đa chiều về những người lính trong kháng chiến.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Viết được một đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm trong "cây diêm cuối cùng" của Cao Huy Thuần
- Nội dung:** GV cho HS viết đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm.
- Sản phẩm học tập:** Đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết một đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh cây diêm.
- GV hướng dẫn HS: *Có thể dựa vào SGK để viết thành đoạn văn.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, sau đó viết đoạn văn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS đọc đoạn văn mình viết trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.

4. Củng cố:**5. HDVN:**

- + Ôn tập lại nội dung bài học và thể loại tản văn.
- + Soạn bài: Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

KẾT NỐI TRI THỨC

CHIA SẺ - HỢP TÁC - ĐOÀN KẾT

